

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY

THÁI BÌNH, NĂM 2021

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 841/QĐ-YDTB ngày 29/6/2021)

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y - Dược Thái Bình.

2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y - Dược Thái Bình.

3. Tên chương trình đào tạo

- Tên tiếng Việt: Ngành Y học cổ truyền trình độ đại học

- Tên tiếng Anh: **Traditional Medicine**

4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 92/QĐ-KĐCLGD ngày 29/06/2018 Hiệp hội Các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam.*

5. Trình độ đào tạo: Đại học

6. Ngành đào tạo: Y học cổ truyền

7. Mã ngành đào tạo: 7720115

8. Thời gian đào tạo: 6 năm

9. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

10. Hình thức đào tạo: chính quy

11. Danh hiệu văn bằng

- Tên tiếng Việt: **Y học cổ truyền**

- Tên tiếng Anh: **Traditional Medicine**

12. Mục tiêu chung:

Đào tạo Bác sỹ Y học cổ truyền có y đức, kiến thức cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp về Y học cổ truyền (YHCT) và Y học hiện đại (YHHĐ); có khả năng kế thừa và phát triển vốn YHCT, kết hợp hài hoà YHCT với YHHĐ trong phòng bệnh và chữa bệnh; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

	Mô tả <i>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có khả năng đạt được các mục tiêu sau:</i>	Phù hợp		
		Sứ mạng	Tầm nhìn	Luật Giáo dục đại học
I. Kiến thức				
PEO 1	Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở về YHCT và YHHĐ làm nền tảng cho y học lâm sàng.		X	X
PEO 2	Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh của YHCT và YHHĐ.		X	X
PEO 3	Có phương pháp luận khoa học của YHCT và YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.	X	X	X
PEO 4	Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	X	X	X
II. Kỹ năng				
PEO 5	Chẩn đoán và xử lý các bệnh thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường bằng YHCT và YHHĐ.	X	X	X
PEO 6	Định hướng chẩn đoán một số bệnh chuyên khoa.	X	X	
PEO 7	Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường.	X		
PEO 8	Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của YHCT và YHHĐ.	X	X	
PEO 9	Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp để chăm sóc, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường.	X	X	
PEO 10	Phát hiện sớm các dịch bệnh và tham gia phòng chống dịch bằng YHCT và YHHĐ.	X		
PEO 11	Tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu, xã hội hóa y tế và giám sát đánh giá công tác YHCT tại tuyến cơ sở.	X	X	
PEO 12	Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe, tổ chức bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	X	X	

	Mô tả <i>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có khả năng đạt được các mục tiêu sau:</i>	Phù hợp		
		Sứ mạng	Tầm nhìn	Luật Giáo dục đại học
PEO 13	Tham gia nghiên cứu khoa học.	X	X	X
PEO 14	Sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ, tin học để nghiên cứu và học tập nâng cao trình độ chuyên môn.	X	X	X
III. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm				
PEO 15	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan trong các hoạt động nghề nghiệp.	X	X	X
PEO 16	Có khả năng hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn YHCT. Tự định hướng, đưa ra kết luận, xử trí chuyên môn về YHCT và bảo vệ được quan điểm cá nhân.		X	
PEO 17	Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực về YHCT. Đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động về chuyên môn YHCT.		X	

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

CĐR	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Tại thời điểm tốt nghiệp, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau</i>	Phân loại		Mức độ tư duy Bloom
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt	
I. Kiến thức				
PLO 1	Tận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong thực hành chuyên môn YHCT.		X	Vận dụng
PLO 2	Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	X		Vận dụng
PLO 3	Ứng dụng ít nhất một ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong giao tiếp, thu thập thông tin và thực hành nghề nghiệp	X		Vận dụng
PLO 4	Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát có hiệu quả các hoạt động YHCT.		X	Vận dụng

CĐR	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Tại thời điểm tốt nghiệp, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau</i>	Phân loại		Mức độ tư duy Bloom
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt	
PLO 5	Vận dụng được kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	X		Vận dụng
II. Kỹ năng				
PLO 6	Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng; khám, chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng và thăm dò chức năng phù hợp; tiên lượng, điều trị được các bệnh thông thường.		X	Vận dụng
PLO 7	Xử trí được một số trường hợp cấp cứu, dịch bệnh thông thường và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp. Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.		X	Tổng hợp
PLO 8	Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của YHCT theo quy định.		X	Tổng hợp
PLO 9	Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử, tạo sự yên tâm, hợp tác trước, trong quá trình thăm khám và điều trị.		X	Tổng hợp
PLO 10	Sử dụng thuốc YHCT hợp lý, an toàn kết hợp y học hiện đại trong công tác chăm sóc và phòng bệnh.		X	Tổng hợp
PLO 11	Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả trên cơ sở đồng cảm, có sự xem xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh, lấy người bệnh làm trung tâm.		X	Tổng hợp
PLO 12	Thực hiện giao tiếp và cộng tác hợp lý với lãnh đạo, đồng nghiệp trong việc điều trị, chăm sóc người bệnh.		X	Vận dụng
PLO 13	Phát hiện sớm các dịch bệnh, đề xuất và tham gia phòng chống dịch bằng YHCT.		X	Tổng hợp
III. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm				
PLO 14	Tuân thủ đúng các quy định của ngành, pháp luật của Nhà nước và chịu trách nhiệm cá nhân về những hành vi, ứng xử và hoạt động nghề nghiệp.	X		Tổng hợp

CDR	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Tại thời điểm tốt nghiệp, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau</i>	Phân loại		Mức độ tư duy Bloom
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt	
PLO 15	Chủ động, tích cực học tập để hoàn thiện các kỹ năng học tập suốt đời nhằm nâng cao năng lực tự định hướng, đưa ra kết luận, xử trí chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề nghiệp.		X	Tổng hợp
PLO 16	Ứng xử theo đạo đức nghề nghiệp trong việc đảm bảo công bằng, trung thực, tôn trọng, cảm thông, chia sẻ với người bệnh và gia đình.	X		Đánh giá
PLO 17	Phối hợp, ứng xử chuyên nghiệp với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.		X	Đánh giá
PLO 18	Tuân thủ đúng các quy định của ngành, pháp luật của Nhà nước và chịu trách nhiệm cá nhân về những hành vi, ứng xử và hoạt động nghề nghiệp.		X	Tổng hợp

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR MT	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (PLO)																	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
PEO 1	x	x	x			x	x	x	x	x	x		x			x		
PEO 2	x	x		x		x	x	x	x	x			x					
PEO 3	x			x	x	x	x	x	x	x			x					
PEO 4				x	x	x					x	x		x		x	x	x
PEO 5							x	x	x	x			x	x	x		x	
PEO 6							x	x	x	x			x	x	x		x	
PEO 7	x					x	x	x	x	x			x	x				
PEO 8	x					x	x	x						x				
PEO 9	x	x	x	x	x								x	x	x			x
PEO 10	x	x	x	x	x	x					x		x					

CDR MT	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (PLO)																	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
PEO 11				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		x	x
PEO 12						x	x			x	x		x					x
PEO 13			x												x			
PEO 14		x	x	x	x								x					
PEO 15	x			x	x						x	x			x	x	x	
PEO 16				x	x		x				x			x	x	x	x	x
PEO 17				x	x						x	x	x	x	x	x	x	x

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Thông tin tuyển sinh

* *Đối tượng tuyển sinh*

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

* *Phạm vi tuyển sinh*: Tuyển sinh trong cả nước.

* *Phương thức tuyển sinh*: Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Mã tổ hợp xét tuyển	Tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển
B00	Toán, Hóa học, Sinh học

* *Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh*: 60 chỉ tiêu/năm

* *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT)*

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* *Tổ chức tuyển sinh*: Việc tuyển chọn sinh viên vào học chương trình này dựa trên các văn bản, quy định hiện hành được công bố trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường.

VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 212 tín chỉ (không kể Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất), chia thành 12 học kỳ trong 6 năm.

TT	Mã học phần	Tên học phần	tín chỉ	LT	TH	HP tiên quyết, học trước	HP song hành	Kỳ học
I. Khối kiến giáo dục đại cương (54 tín chỉ - bao gồm cả GDTC và GDQP, trong đó có 10 TC thay thế)								
1.	7110PHYSED1P	Giáo dục thể chất 1	1		1			1
2.	7110PHYSED2P	Giáo dục thể chất 2	1		1			2
3.	7110PHYSED3P	Giáo dục thể chất 3	1		1			3
4.	7110MLTEDU1T	Quốc phòng an ninh 1	3	3				1
5.	7110MLTEDU2T	Quốc phòng an ninh 2	2	2				1
6.	7110MLTEDU3T	Quốc phòng an ninh 3	3	2	1			2
7.	7110MLTEDU4T	Quốc phòng an ninh 4	1	1				2
8.	7110MLPHIL0T	Triết học Mác - Lênin	3	3				1
9.	7110MLPLEC0T	Kinh tế chính trị	2	2		7110MLPHIL0T		3
10.	7110SOCIAL0T	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		7110MLPHIL0T, 7110MLPLEC0T		4
11.	7110HCMIDL0T	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		7110MLPHIL0T, 7110MLPLEC0T, 7110SOCIAL0T		6
12.	7110REVVCP0T	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		7110MLPHIL0T, 7110MLPLEC0T, 7110SOCIAL0T, 7110HCMIDL0T		7
13.	2110FRLGCN1T	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Trung)	3	3				1

TT	Mã học phần	Tên học phần	tín chỉ	LT	TH	HP tiên quyết, học trước	HP song hành	Kỳ học
14.	2110FRLGCN2T	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung)	3	3		2110FRLGCN1T		2
15.	2110FRLGCN3T	Ngoại ngữ 3 (Tiếng Trung)	3	3		2110FRLGCN2T		3
16.	2110FRLGCN4T	Ngoại ngữ 4 (Tiếng Trung)	3	3		2110FRLGCN3T		4
17.	2110INFORM1T	Tin học Đại cương	2	1	1			1
18.	2110INFORM2T	Tin học ứng dụng	2	1	1	2110INFORM1T		2
19.	2110BIOPHY1T	Lý sinh	3	2	1			2
20.	2110CHEMIS1T	Hoá học	3	2	1			2
21.	2110BIOLOG1T	Sinh học và Di truyền	3	2	1			1
22.	2110STATIS0T	Xác suất thống kê	2	2		2110INFORM2T		4
23.	2110MEDPSY0T	Tâm lý Y học – Y đức	2	2				5
24.	2120DEMOGR0T	Dân số và GDSK	2	2				3

II. Khối kiến thức cơ sở ngành (58 tín chỉ bắt buộc)

25.	2120ANATOM1T	Giải phẫu học I	3	2	1			1
26.	2120ANATOM2T	Giải phẫu học II	3	2	1	2120ANATOM1T		2
27.	2110BIOCHM1T	Hoá sinh	3	2	1	2110CHEMIS1T		4
28.	2120MICBIO0T	Vì sinh	3	2	1	2110BIOLOG1T		3
29.	2110PHYSIO1T	Sinh lý I	2	1	1	2110BIOPHY0T, 2110CHEMIS0T		2
30.	2110PHYSIO2T	Sinh lý II	3	2	1	2110PHYSIO1T		3
31.	2120PATSIO0T	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	1	2110PHYSIO1T 2110BIOCHM1T		4
32.	2120PHARMA1T	Dược lý học	4	3	1	2110PHYSIO1T, 2120ANATOM1T		6
33.	2120PARASI0T	Ký sinh trùng	3	2	1	2110BIOLOG1T, 2120ANATOM1T		4
34.	2120EPIDEM0T	Dịch tễ học	2	1	1	2110STATIS0T		6
35.	2120ENVHLT0T	Sức khoẻ môi trường	2	1	1	2120MICBIO0T, 2120PARASI0T		7
36.	2120ESRMTH0T	Phương pháp nghiên cứu	1	1		2110STATIS0T		6

TT	Mã học phần	Tên học phần	tín chỉ	LT	TH	HP tiên quyết, học trước	HP song hành	Kỳ học
		khoa học						
37.	2120NUTSFE0T	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	3	2,5	0,5	2120MICBIO0T, 6120PARASI0T		8
38.	2120MADIHE0T	Thực vật dược	2	1	0	2110BIOLOG1T		4
39.	2130PTRAME1P	Lý luận Y học cổ truyền lâm sàng	2	0	2	2110MEDPSY0T 2120PHARMA1T		5
40.	2130PTRAME1T	Lý luận Y học cổ truyền lý thuyết	2	2	0	2110MEDPSY0T 2120PHARMA1T		
41.	2110AHEINS0T	Nhà nước và pháp luật	1	1	0			11
42.	2120NURSIN0T	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1	2120ANATOM1T 2120ANATOM2T 2110BIOPHY1T 2120ANATOM1T 2120ANATOM2T		6
43.	2120RADIOL0T	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1	2110MEDPSY0T		5
44.	2120PRECLI0T	Kỹ năng tiền lâm sàng	4	0	4	2110MEDPSY0T		5
45.	2120HEMBLO0T	Huyết học truyền máu	2	1	1	2110PHYSIO1T 2110PHYSIO2T		6
46.	2120HISEMB1T	Mô phôi	3	2	1	2110BIOLOG1T		3
47.	2120PATHOL0T	Giải phẫu bệnh	2	1	1	2120ANATOM1T 2120ANATOM2T 2120HISEMB1T		4

III. Khối kiến thức chuyên ngành (102 tín chỉ bắt buộc)

48.	2130INTMED1P	Nội cơ sở lâm sàng (Nội 1)	4	0	4	2120ANATOM1T 2120ANATOM2T 2110PHYSIO1T 2110PHYSIO2T		6
49.	2130INTMED1T	Nội cơ sở lý thuyết (Nội 1)	3	3	0	2120ANATOM1T 2120ANATOM2T 2110PHYSIO1T 2110PHYSIO2T		6
50.	2130INTMED2P	Nội bệnh lý I Lâm sàng (Nội2)	2	0	2	2130INTMED1P 2130INTMED1T		7
51.	2130INTMED2T	Nội bệnh lý I Lý Thuyết (Nội2)	2	2	0	2130INTMED1P 2130INTMED1T		7
52.	2130INTMED3P	Nội bệnh lý II- Hồi sức cấp cứu LS (Nội 3)	3	0	2	2130INTMED2P 2130INTMED2T		7
53.	2130INTMED3T	Nội bệnh lý II- Hồi sức cấp cứu LT (Nội 3)	1	1	0	2130INTMED2P 2130INTMED2T		7

TT	Mã học phần	Tên học phần	tín chỉ	LT	TH	HP tiên quyết, học trước	HP song hành	Kỳ học
54.	2130SURGER1P	Ngoại cơ sở lâm sàng	2	0	2	2120ANATOM1T 2120ANATOM2T 2110PHYSIO1T 2110PHYSIO2T		5
55.	2130SURGER1T	Ngoại cơ sở lý thuyết	2	2	0	2120ANATOM1T 2120ANATOM2T 2110PHYSIO1T 2110PHYSIO2T		5
56.	2130TRAUMA1P	Chấn thương lâm sàng	2	0	2	2130INTMED1P 2130INTMED1T		8
57.	2130TRAUMA1T	Chấn thương lý thuyết	1	1	0	2130INTMED1P 2130INTMED1T		8
58.	2130SURGER2P	Ngoại bệnh lý lâm sàng	2	0	2	2130INTMED1P 2130INTMED1T 2130SURGER1P 2130SURGER1T2 120RADIOL0T		7
59.	2130SURGER2T	Ngoại bệnh lý lý thuyết	2	2	0	2130INTMED1P 2130INTMED1T 2130SURGER1P 2130SURGER1T 2120RADIOL0T		7
60.	2130OBSGYN1P	Phụ sản lâm sàng	2	0	2	2130INTMED1P 2130INTMED1T 2130SURGER1P 2130SURGER1T		8
61.	2130OBSGYN1T	Phụ sản lý thuyết	2	2	0	2130INTMED1P 2130INTMED1T 2130SURGER1P 2130SURGER1T		8
62.	2130PEDIAT1P	Nhi lâm sàng	2	0	2	2130INTMED1P 2130INTMED1T 2130SURGER1P 2130SURGER1T		8
63.	2130PEDIAT1T	Nhi lý thuyết	2	2	0	2130INTMED1P 2130INTMED1T 2130SURGER1P 2130SURGER1T		8
64.	2130PHTHIS0T	Lao	2	1	1	2130INTMED2P 2130INTMED2T 2130SURGER2P 2130SURGER2T		9
65.	2130DERMAT0T	Da liễu	2	1	1	2130INTMED2P 2130INTMED2T 2130SURGER2P 2130SURGER2T		9
66.	2130REHABL0T	Phục hồi chức năng	2	1	1	2130INTMED2P 2130INTMED2T 2130SURGER2P 2130SURGER2T		9
67.	2130NEUROL0T	Thần kinh	2	1	1	2130INTMED2P 2130INTMED2T 2130SURGER2P 2130SURGER2T		10

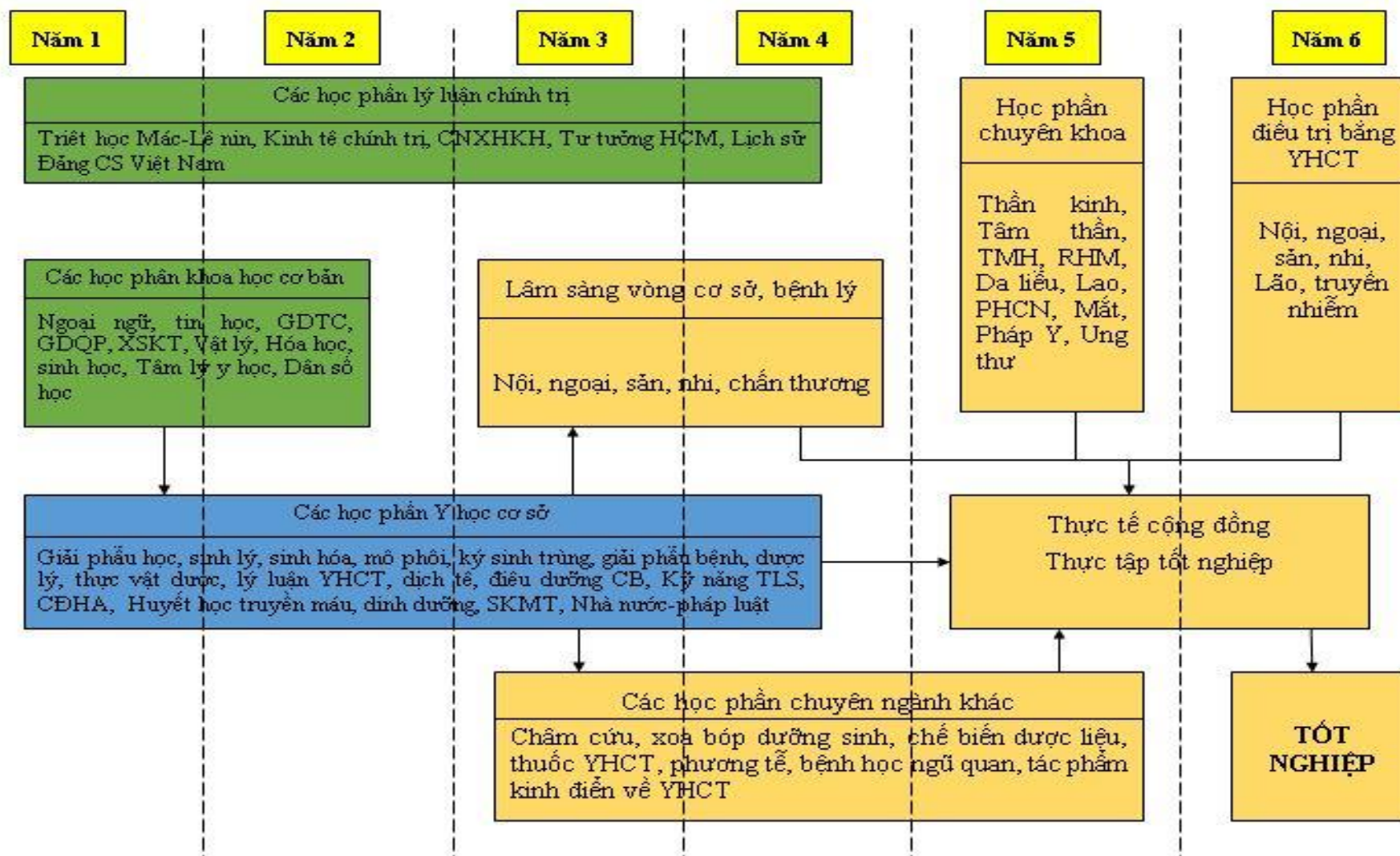
TT	Mã học phần	Tên học phần	tín chỉ	LT	TH	HP tiên quyết, học trước	HP song hành	Kỳ học
68.	2130OTORHI0T	Tai mũi họng	2	1	1	2130INTMED2P 2130INTMED2T 2130SURGER2P 2130SURGER2T		10
69.	2130ODONTO0T	Răng hàm mặt	2	1	1	2130INTMED2P 2130INTMED2T 2130SURGER2P 2130SURGER2T		10
70.	2130OPHTHA0T	Mắt	2	1	1	2130INTMED2P 2130INTMED2T 2130SURGER2P 2130SURGER2T		10
71.	2130PSYCHI0T	Tâm thần	2	1	1	2130INTMED2P 2130INTMED2T 2130SURGER2P 2130SURGER2T		9
72.	2130INFECD0P	Truyền nhiễm lâm sàng	2	0	2	2130INTMED1P 2130INTMED1T 2130SURGER1P 2130SURGER1T		10
73.	2130INFECD0T	Truyền nhiễm lý thuyết	0	1	1	2130INTMED1P 2130INTMED1T 2130SURGER1P 2130SURGER1T		10
74.	2130FRSMED0T	Pháp Y	1	1	0			10
75.	2130CANCER0T	Ung thư	2	1	1	2130INTMED2P 2130INTMED2T 2130SURGER2P 2130SURGER2T		7
76.	2130NAHEPR0T	Chương trình y tế quốc gia	1	1	0			5
77.	2130ORMAED0T	Tổ chức và quản lý y tế (KTYT- BHYT)	2	2	0			6
78.	2130ACUPUNC1P	Châm cứu học I lâm sàng	2	0	2	2120ANATOM1T 2120ANATOM2T 2110PHYSIO1T 2110PHYSIO2T 2130PTRAME1P 2130PTRAME1T		8
79.	2130ACUPUNC1T	Châm cứu học I lý thuyết	1	1	0	2120ANATOM1T 2120ANATOM2T 2110PHYSIO1T 2110PHYSIO2T 2130PTRAME1P 2130PTRAME1T		
80.	2130ACUPUNC2P	Châm cứu học II lâm sàng	2	0	2	2130ACUPUNC1P 2130ACUPUNC1T		8
81.	2130ACUPUNC2T	Châm cứu học II lý thuyết	1	1	0	2130ACUPUNC1P 2130ACUPUNC1T		

TT	Mã học phần	Tên học phần	tín chỉ	LT	TH	HP tiên quyết, học trước	HP song hành	Kỳ học
82.	2130AYUMAS0T	PP điều trị không dùng thuốc (XBDS)	3	1	2	2120ANATOM1T 2120ANATOM2T 2110PHYSIO1T 2110PHYSIO2T21 30PTRAME1P 2130PTRAME1T		8
83.	2130EDRUDI1P	Thuốc YHCT I lâm sàng	2	0	2	2130PTRAME1P 2130PTRAME1T 2120MADIHE0T		9
84.	2130EDRUDI1T	Thuốc YHCT I lý thuyết	1	1	0	2130PTRAME1P 2130PTRAME1T 2120MADIHE0T		9
85.	2130EDRUDI2P	Thuốc YHCT II lâm sàng	2	0	2	2130EDRUDI1P 2130EDRUDI1T		9
86.	2130EDRUDI2P	Thuốc YHCT II lý thuyết	1	1	0	2130EDRUDI1P 2130EDRUDI1T		9
87.	2130PTRADR0P	Chế biến được liệu lâm sàng	2	0	2	2120MADIHE0T		11
88.	2130PTRADR0T	Chế biến được liệu lý thuyết	1	1	0	2120MADIHE0T		11
89.	2130TRAREM0P	Phương tễ lâm sàng	2	0	2	2130PTRAME1P 2130PTRAME1T 2130PTRADR0P 2130PTRADR0T 2130EDRUDI1B 2130EDRUDI2B		11
90.	2130TRAREM0T	Phương tễ lý thuyết	2	2	0	2130PTRAME1P 2130PTRAME1T 2130PTRADR0P 2130PTRADR0T 2130EDRUDI1B 2130EDRUDI2B		11
91.	2130TRAMEI1P	Bệnh học nội YHCT I lâm sàng	2	0	2	2130INTMED1B 2130INTMED2B 2130EDRUDI1B 2130EDRUDI2B 2130ACUPUNC1B 2130ACUPUNC2B 2130ACUPUNC1B 2130ACUPUNC2B		11
92.	2130TRAMEI1T	Bệnh học nội YHCT I lý thuyết	1	1	0	2130INTMED1B 2130INTMED2B 2130EDRUDI1B 2130EDRUDI2B 2130ACUPUNC1B 2130ACUPUNC2B 2130ACUPUNC1B 2130ACUPUNC2B		11
93.	2130TRAMEI2P	Bệnh học nội YHCT II lâm sàng	2	0	2	2130TRAMEI1P 2130TRAMEI1T		11
94.	2130TRAMEI2T	Bệnh học nội YHCT II lý thuyết	1	1	0	2130TRAMEI1P 2130TRAMEI1T		11

TT	Mã học phần	Tên học phần	tín chỉ	LT	TH	HP tiên quyết, học trước	HP song hành	Kỳ học
95.	2130TMESUR0B	Bệnh học ngoại YHCT	2	1	1	2130SURGER1P 2130SURGER1T 2130REHABL0T 2130AYUMAS0T		11
96.	2130TMEOBG0B	Bệnh học phụ sản YHCT	2	1	1	2130OBSGYN1P 2130OBSGYN1T		11
97.	2130TRAMEP0B	Bệnh học nhi YHCT	2	1	1	2130OBSGYN1T 2130PEDIAT1P		12
98.	2130TMOORL0P	Bệnh học Ngũ quan lâm sàng	2	0	2	2130INTMED1B 2130INTMED2B 2130SURGER1P 2130SURGER1T		12
99.	2130TMOORL0T	Bệnh học Ngũ quan lý thuyết	1	1	0	2130INTMED1B 2130INTMED2B 2130SURGER1P 2130SURGER1T		12
100.	2130TMIDIS0T	Ôn bệnh (Truyền nhiễm YHCT)	2	1	1	2130INTMED1B 2130INTMED2B 2130SURGER1P 2130SURGER1T		12
101.	2130TMEGER0B	Bệnh học Lão khoa YHCT	2	1	1	2130INTMED1B 2130INTMED2B 2130SURGER1P 2130SURGER1T		12
102.	2130CWTMED0T	Tác phẩm kinh điển về YHCT Việt Nam	1	1	0	2130EDRUDI0B 2130EDRUDI0B 2130PTRAME1P 2130PTRAME1T		11
103.	2130COMPRT0P	Thực tập cộng đồng	2	0	2			10
IV. Tốt nghiệp								
104.	6130GRADNR0P	Thực tập tốt nghệp						12
105.	6130GRDEXM0B	Học phần thay thế/Khóa luận tốt nghiệp	10	6	4			12

VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)

Dựa vào cấu trúc chương trình để vẽ tiến trình dạy - học của các học phần thuộc chương trình đào tạo.



VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

- Mức độ đóng góp của các học phần vào mục tiêu chương trình đào tạo được thể hiện ở bảng sau:

Mã học phần	Tên học phần	Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
7110PHYSED1P	Giáo dục thể chất 1	X			X						X							
7110PHYSED2P	Giáo dục thể chất 2	X									X							
7110PHYSED3P	Giáo dục thể chất 3	X									X							
7110MLTEDU1T	Quốc phòng an ninh 1	X														X		
7110MLTEDU2T	Quốc phòng an ninh 2	X														X		
7110MLTEDU3T	Quốc phòng an ninh 3	X														X		
7110MLTEDU4T	Quốc phòng an ninh 4	X														X		
7110MLPHIL0T	Triết học Mác - Lênin				X									X		X		
7110MLPLEC0T	Kinh tế chính trị				X									X		X		
7110SOCIAL0T	Chủ nghĩa xã hội khoa học				X									X		X		
7110HCMIDL0T	Tư tưởng Hồ Chí Minh				X									X		X		
7110REVVCP0T	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam				X									X		X		
2110FRLGCN1T	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Trung)	X													X			
2110FRLGCN2T	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung)	X													X			
2110FRLGCN3T	Ngoại ngữ 3 (Tiếng Trung)	X													X			
2110FRLGCN4T	Ngoại ngữ 4 (Tiếng Trung)	X												X	X			

Mã học phần	Tên học phần	Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2110INFORM1T	Tin học Đại cương	X												X	X			
2110INFORM2T	Tin học ứng dụng	X		X										X	X			
2110BIOPHY1T	Lý sinh	X																
2110CHEMIS1T	Hoá học	X																
2110BIOLOG1T	Sinh học và Di truyền	X																
2110STATIS0T	Xác suất thống kê	X									X							
2110MEDPSY0T	Tâm lý Y học – Y đức	X			X				X		X	X				X		
2120DEMOGR0T	Dân số và GDSK	X			X				X		X	X				X		X
2120ANATOM1T	Giải phẫu học I	X	X			X								X		X		
2120ANATOM2T	Giải phẫu học II	X	X			X								X		X		
2110BIOCHM1T	Hoá sinh	X	X		X	X	X	X			X	X	X					
2120MICBIO0T	Vi sinh	X	X															
2110PHYSIO1T	Sinh lý I	X	X	X				X						X				
2110PHYSIO2T	Sinh lý II	X	X	X				X						X				
2120PATSIO0T	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X					
2120PHARMA1T	Dược lý học	X			X					X			X					
2120PARASI0T	Ký sinh trùng	X	X	X						X	X							

Mã học phần	Tên học phần	Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2120EPIDEM0T	Dịch tễ học	X			X					X	X			X		X		X
2120ENVHLT0T	Sức khoẻ môi trường			X	X					X	X	X	X	X		X		
2120ESRMTH0T	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X		X						X	X			X		X		
2120NUTSFE0T	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	X	X		X	X	X	X		X		X						
2120MADIHE0T	Thực vật dược	X																
2130PTRAME1P	Lý luận Y học cổ truyền lâm sàng	X	X	X		X				X			X		X	X	X	
2130PTRAME1T	Lý luận Y học cổ truyền lý thuyết	X	X	X		X				X			X		X	X	X	
2110AHEINS0T	Nhà nước và pháp luật				X									X		X		
2120NURSIN0T	Điều dưỡng cơ bản	X							X							X		
2120RADIOL0T	Chẩn đoán hình ảnh	X	X															
2120PRECLI0T	Kỹ năng tiền lâm sàng					X	X		X	X		X	X			X		
2120HEMBLO0T	Huyết học truyền máu	X			X	X		X										
2120HISEMB1T	Mô phôi	X	X															
2120PATHOL0T	Giải phẫu bệnh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	
2130INTMED1P	Nội cơ sở lâm sàng (Nội 1)	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X			X	X	X
2130INTMED1T	Nội cơ sở lý thuyết (Nội 1)	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X			X	X	X
2130INTMED2P	Nội bệnh lý I Lâm sàng (Nội2)	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X			X	X	X

Mã học phần	Tên học phần	Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2130INTMED2T	Nội bệnh lý I Lý Thuyết (Nội2)	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X			X	X	X
2130INTMED3P	Nội bệnh lý II- Hồi sức cấp cứu LS (Nội 3)	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X			X	X	X
2130INTMED3T	Nội bệnh lý II- Hồi sức cấp cứu LT (Nội 3)	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X			X	X	X
2130SURGER1P	Ngoại cơ sở lâm sàng	X	X			X	X											
2130SURGER1T	Ngoại cơ sở lý thuyết	X	X			X	X											
2130TRAUMA1P	Chấn thương lâm sàng	X	X			X		X										
2130TRAUMA1T	Chấn thương lý thuyết	X	X			X		X										
2130SURGER2P	Ngoại bệnh lý lâm sàng	X	X			X		X										
2130SURGER2T	Ngoại bệnh lý lý thuyết	X	X			X		X										
2130OBSGYN1P	Phụ sản lâm sàng	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X					X
2130OBSGYN1T	Phụ sản lý thuyết	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X					X
2130PEDIAT1P	Nhi lâm sàng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X					
2130PEDIAT1T	Nhi lý thuyết	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X					
2130PHTHIS0T	Lao	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X
2130DERMAT0T	Da liễu	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X			X	X	X
2130REHABL0T	Phục hồi chức năng	X	X	X	X	X	X	X	X		X							
2130NEUROL0T	Thần kinh	X	X	X														

Mã học phần	Tên học phần	Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2130OTORHI0T	Tai mũi họng	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X					
2130ODONTO0T	Răng hàm mặt	X	X	X		X	X	X	X							X		
2130OPHTHA0T	Mắt	X	X			X	X			X	X	X	X					
2130PSYCHI0T	Tâm thần	X	X	X	X	X	X	X		X			X					
2130INFECDO0P	Truyền nhiễm lâm sàng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X		X		
2130INFECDO0T	Truyền nhiễm lý thuyết	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X		X		
2130FRSMED0T	Pháp Y			X	X				X	X		X	X		X	X	X	X
2130CANCER0T	Ung thư	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X					
2130NAHEPR0T	Chương trình y tế quốc gia									X	X	X	X			X		
2130ORMAED0T	Tổ chức và quản lý y tế (KTYT-BHYT)				X					X		X	X			X		
2130ACUPUNC1P	Châm cứu học I lâm sàng	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	X	X	X
2130ACUPUNC1T	Châm cứu học I lý thuyết	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	X	X	X
2130ACUPUNC2P	Châm cứu học II lâm sàng	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	X	X	X
2130ACUPUNC2T	Châm cứu học II lý thuyết	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	X	X	X
2130AYUMAS0T	PP điều trị không dùng thuốc (XBDS)	X	X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X	X	X	X
2130EDRUDI1P	Thuốc YHCT I lâm sàng	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X
2130EDRUDI1T	Thuốc YHCT I lý thuyết	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X

Mã học phần	Tên học phần	Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2130EDRUDI2P	Thuốc YHCT II lâm sàng	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X
2130EDRUDI2P	Thuốc YHCT II lý thuyết	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X
2130PTRADR0P	Chế biến dược liệu lâm sàng	X	X	X	X					X			X		X	X	X	
2130PTRADR0T	Chế biến dược liệu lý thuyết	X	X	X	X					X			X		X	X	X	
2130TRAREM0P	Phương tễ lâm sàng	X	X	X		X				X			X		X	X	X	
2130TRAREM0T	Phương tễ lý thuyết	X	X	X		X				X			X		X	X	X	
2130TRAMEI1P	Bệnh học nội YHCT I lâm sàng	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X		X	X	X	X
2130TRAMEI1T	Bệnh học nội YHCT I lý thuyết	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X		X	X	X	X
2130TRAMEI2P	Bệnh học nội YHCT II lâm sàng	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X		X	X	X	X
2130TRAMEI2T	Bệnh học nội YHCT II lý thuyết	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X		X	X	X	X
2130TMESUR0B	Bệnh học ngoại YHCT	X	X	X		X	X	X	X	X			X		X	X	X	X
2130TMEOBG0B	Bệnh học phụ sản YHCT	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	X	X
2130TRAMEP0B	Bệnh học nhi YHCT	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	X	X
2130TMOORL0P	Bệnh học Ngũ quan lâm sàng	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X
2130TMOORL0T	Bệnh học Ngũ quan lý thuyết	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X
2130TMIDIS0T	Ôn bệnh (Truyền nhiễm YHCT)	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X
2130TMEGER0B	Bệnh học Lão khoa YHCT	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X

Mã học phần	Tên học phần	Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2130CWTMED0T	Tác phẩm kinh điển về YHCT Việt Nam	X	X	X		X	X	X	X	X		X	X		X	X	X	X
2130COMPRT0P	Thực tập cộng đồng				X	X	X				X	X	X	X		X	X	X
6130GRADNR0P	Thực tập tốt nghiệp				X	X	X				X	X	X	X		X	X	X
6130GRDEXM0B	Học phần thay thế/Khóa luận tốt nghiệp				X	X	X				X	X	X	X		X	X	X

- Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thể hiện ở bảng sau:

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
7110PHYSED1P	Giáo dục thể chất 1		S												S	S		S	
7110PHYSED2P	Giáo dục thể chất 2		S												S	S		S	
7110PHYSED3P	Giáo dục thể chất 3		S												S	S		S	
7110MLTEDU1T	Quốc phòng an ninh 1		S												S				
7110MLTEDU2T	Quốc phòng an ninh 2		S												S				
7110MLTEDU3T	Quốc phòng an ninh 3		S												S				
7110MLTEDU4T	Quốc phòng an ninh 4		S												S				

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
7110MLPHIL0T	Triết học Mác - Lênin		S							S	S							H	
7110MLPLEC0T	Kinh tế chính trị		S							S	S							H	
7110SOCIAL0T	Chủ nghĩa xã hội khoa học		S							S	S							H	
7110HCMIDL0T	Tư tưởng Hồ Chí Minh		S							S	S							H	
7110REVVCP0T	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		S							S	S							H	
2110FRLGCN1T	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Trung)		S	S									H			S			
2110FRLGCN2T	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung)		S	S									H			S			
2110FRLGCN3T	Ngoại ngữ 3 (Tiếng Trung)		S	S									H			S			
2110FRLGCN4T	Ngoại ngữ 4 (Tiếng Trung)		S	S									H			S			
2110INFORM1T	Tin học Đại cương		S	S									H			S			
2110INFORM2T	Tin học ứng dụng		S										H			S			
2110BIOPHY1T	Lý sinh	S	S																
2110CHEMIS1T	Hoá học		S												S	S			

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
2110BIOLOG1T	Sinh học và Di truyền		S		S										S	S			
2110STATIS0T	Xác suất thống kê		S												S	S	S		
2110MEDPSY0T	Tâm lý Y học – Y đức	S	S									S	S		H	H	S	H	
2120DEMOGR0T	Dân số và GDSK	S	S		S	S						S	S				S	S	
2120ANATOM1T	Giải phẫu học I	H	H				H		H						H	H			
2120ANATOM2T	Giải phẫu học II	H	H				H		H						H	H			
2110BIOCHM1T	Hoá sinh	S	S	S	S				S		S				S	S			
2120MICBIO0T	Vi sinh	S										S			S	S			
2110PHYSIO1T	Sinh lý I	S	S				S										H		H
2110PHYSIO2T	Sinh lý II	S	S				S									S	H		H
2120PATSIO0T	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	H	S	S	H	H	S	H	S	S	S			S	H	S	S	S	
2120PHARMA1T	Dược lý học	S	S	S		S			H						S	S	H	H	H
2120PARASI0T	Ký sinh trùng	S	S				H							H	S	S	H	S	S

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
2120EPIDEM0T	Dịch tễ học	S	S	H	S				S	S	H	S	S	S	S	S	S	H	H
2120ENVHLT0T	Sức khoẻ môi trường	S	S	H	S					S	S	H	S	S	S	S	S	H	H
2120ESRMTH0T	Phương pháp nghiên cứu khoa học		H	S	S	S		S		S	S			S	H	H	S	S	S
2120NUTSFE0T	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	H	S	S	S					H		S		S	H	H	S	S	S
2120MADIHE0T	Thực vật dược	H	S						S					S	S	H	S	S	
2130PTRAME1P	Lý luận Y học cổ truyền lâm sàng	H	H	S	S		H		H	H			S		H	S	H		
2130PTRAME1T	Lý luận Y học cổ truyền lý thuyết	H	H	S	S		H		H	H			S		H	S	H		
2110AHEINS0T	Nhà nước và pháp luật		S					S							H	S	S	H	
2120NURSIN0T	Điều dưỡng cơ bản	H	S	S	S	S	S	S	S	S	S			S	H	H	H	H	H
2120RADIOL0T	Chẩn đoán hình ảnh	S	S		S	S				S	S		S		S	S	S	S	S
2120PRECLI0T	Kỹ năng tiền lâm sàng	S					S	S	S	S		S	S		H	S	H	H	
2120HEMBLO0T	Huyết học truyền máu	S			S		H	S		S	S				S	S	S	S	S
2120HISEMB1T	Mô phôi	S			S					S	S				H	H		H	

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
2120PATHOL0T	Giải phẫu bệnh	H	S	S	H	H	S	H	S	S	S	S	H	S	S	S	S	S	H
2130INTMED1P	Nội cơ sở lâm sàng (Nội 1)	S	S	S	H	H		S	S	H	H	S		S	S	S	S	S	H
2130INTMED1T	Nội cơ sở lý thuyết (Nội 1)	S	S	S	H	H		S	S	H	H	S		S	S	S	S	S	H
2130INTMED2P	Nội bệnh lý I Lâm sàng (Nội2)	S	S	S	H	H		S	S	H	H	S		S	S	S	S	S	H
2130INTMED2T	Nội bệnh lý I Lý Thuyết (Nội2)	S	S	S	H	H		S	S	H	H	S		S	S	S	S	S	H
2130INTMED3P	Nội bệnh lý II- Hồi sức cấp cứu LS (Nội 3)	S	S	S	H	H		S	S	H	H	S		S	S	S	S	S	H
2130INTMED3T	Nội bệnh lý II- Hồi sức cấp cứu LT (Nội 3)	S	S	S	H	H		S	S	H	H	S		S	S	S	S	S	H
2130SURGER1P	Ngoại cơ sở lâm sàng	S	S	H	S	H	S	H	S	S	H	S	S	H	S	S	S	S	S
2130SURGER1T	Ngoại cơ sở lý thuyết	S	S	H	S	H	S	H	S	S	H	S	S	H	S	S	S	S	S
2130TRAUMA1P	Chấn thương lâm sàng	S	S	H	S	S	S	H	S	S	H		S	H	S	S	S	S	S
2130TRAUMA1T	Chấn thương lý thuyết	S	S	H	S	S	S	H	S	S	H		S	H	S	S	S		
2130SURGER2P	Ngoại bệnh lý lâm sàng	S	S	H	S	H	S	H	S	H	H	S	S	H	H	H	H	H	H
2130SURGER2T	Ngoại bệnh lý lý thuyết	S	S	H	S	H	S	H	S	H	H	S	S	H	H	H	H	H	H

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
2130OBSGYN1P	Phụ sản lâm sàng	H	S	S	S	S	H	S	S	H	S	H	S	S		S	S	S	H
2130OBSGYN1T	Phụ sản lý thuyết	H	S	S	S	S	H	S	S	H	S	H	S	S		S	S	S	H
2130PEDIAT1P	Nhi lâm sàng	H	S	S	H	H	S	S	H	S	S	S	H	S	H	S	S	S	S
2130PEDIAT1T	Nhi lý thuyết	H	S	S	H	H	S	S	H	S	S	S	H	S	H	S	S	S	S
2130PHTHIS0T	Lao	S	H	S	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
2130DERMAT0T	Da liễu	S	H	H	H	H	H	H	S	H	H	S	S	H	H	H	H	H	H
2130REHABL0T	Phục hồi chức năng	H	S	S	S	S	H	H	H	S	S	S	S	S	H	H	H	H	H
2130NEUROL0T	Thần kinh	S	S	S	S	S	S	H	H	S	S	S	S	S	H	H	H	H	H
2130OTORHI0T	Tai mũi họng	S	S	S	S	S	S	H	H	S	S	S	S	S	H	H	H	H	H
2130ODONTO0T	Răng hàm mặt	S	S	S	S	S	S	H	H	S	S	S	S	S	H	H	H	H	H
2130OPHTHA0T	Mắt	S	S	S	S	S	S	H	H	S	S	S	S	S	H	H	H	H	H
2130PSYCHI0T	Tâm thần	S	S	S	S	S	S	H	H	S	S	S	S	S	H	H	H	H	H
2130INFECDO0P	Truyền nhiễm lâm sàng	S	H	S	S	S	H	H	S	H	H	H	H	S	H	H	H	H	H

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
2130INFEC0T	Truyền nhiễm lý thuyết	S	H	S	S	S	H	H	S	H	H	H	H	S	H	H	H	H	H
2130FRSMED0T	Pháp Y	S	S	S	S										H	H	H	H	H
2130CANCER0T	Ung thư	H	S	S	H	H	S	H	S	S	S	S	H	S	H	S	S	S	
2130NAHEPR0T	Chương trình y tế quốc gia	S	S		S	S						S	S	H	S	S	S	H	S
2130ORMAED0T	Tổ chức và quản lý y tế (KTYT-BHYT)	S	S	H	S	S						S	S	S	S	S	S	S	S
2130ACUPUNC1P	Châm cứu học I lâm sàng	H	H	S	H	H	H	H		H	H		S		H	S	S	S	
2130ACUPUNC1T	Châm cứu học I lý thuyết	H	H	S	H	H	H	H		H	H		S		H	S	S	S	
2130ACUPUNC2P	Châm cứu học II lâm sàng	H	H	S	H	H	H	H		H	H		S		H	S	S	S	
2130ACUPUNC2T	Châm cứu học II lý thuyết	H	H	S	H	H	H	H		H	H		S		H	S	S	S	
2130AYUMAS0T	PP điều trị không dùng thuốc (XBDS)	H	H		H	H	H	H		H	H		S		H	S	S	S	
2130EDRUDI1P	Thuốc YHCT I lâm sàng	H		S	H	S			H	H	S	S	S		H	H	H	H	
2130EDRUDI1T	Thuốc YHCT I lý thuyết	H		S	H	S			H	H	S	S	S		H	H	H	H	

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
2130EDRUDI2P	Thuốc YHCT II lâm sàng	H		S	H	S			H	H	S	S	S		H	H	H	H	
2130EDRUDI2P	Thuốc YHCT II lý thuyết	H		S	H	S			H	H	S	S	S		H	H	H	H	
2130PTRADR0P	Chế biến dược liệu lâm sàng	H	H						H		S		H		H	H			H
2130PTRADR0T	Chế biến dược liệu lý thuyết	H	H						H		S		H		H	H			H
2130TRAREM0P	Phương tễ lâm sàng	H		H	H			H	H	H	H		S		H	H	H	H	H
2130TRAREM0T	Phương tễ lý thuyết	H		H	H			H	H	H	H		S		H	H	H	H	H
2130TRAMEI1P	Bệnh học nội YHCT I lâm sàng	H		S	H	H	H	H	H	H	H		S		H	H	H	H	
2130TRAMEI1T	Bệnh học nội YHCT I lý thuyết	H		S	H	H	H	H	H	H	H		S		H	H	H	H	
2130TRAMEI2P	Bệnh học nội YHCT II lâm sàng	H		S	H	H	H	H	H	H	H		S		H	H	H	H	
2130TRAMEI2T	Bệnh học nội YHCT II lý thuyết	H		S	H	H	H	H	H	H	H		S		H	H	H	H	
2130TMESUR0B	Bệnh học ngoại YHCT	H		S	H	H	H	H	H	H	H		S		H	H	H	H	
2130TMEOBG0B	Bệnh học phụ sản YHCT	H		H	S	H	S	S	S	S	S	H	H		S	H	S	S	H
2130TRAMEP0B	Bệnh học nhi YHCT	H		H	S	H	S	S	S	S	S	H	H		S	H	S	S	H

Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
2130TMOORL0P	Bệnh học Ngũ quan lâm sàng	H		S	H		H	H	H	H	H	H	S			S	S	S	
2130TMOORL0T	Bệnh học Ngũ quan lý thuyết	H		S	H		H	H	H	H	H	H	S			S	S	S	
2130TMIDIS0T	Ôn bệnh (Truyền nhiễm YHCT)	H		S	H		H	H	H	H	H	H	S		H	S	S	S	H
2130TMEGER0B	Bệnh học Lão khoa YHCT	H		S	H		H	H	H	H	H		S		H	S	S	S	
2130CWTMED0T	Tác phẩm kinh điển về YHCT Việt Nam	H		H					H				S		H	H		H	
2130COMPRT0P	Thực tập cộng đồng	S	S	S	S	S	H	H	H	H	H	H	H	H	S	S	S	H	H
6130GRADNR0P	Thực tập tốt nghiệp	S	S	S	S	S	H	H	H	H	H	H	H	H	S	S	S	H	H
6130GRDEXM0B	Học phần thay thế/Khóa luận tốt nghiệp	S	S	S	S	S	H	H	H	H	H	H	H	H	S	S	S	H	H

Mức độ đóng góp: S (Support): hỗ trợ; H (Highly support) = Hỗ trợ mức cao

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp dạy - học	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)																	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Thuyết trình, phát vấn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	
Đóng vai	X			X	X	X			X				X	X	X	X	X	X
Case, nghiên cứu tình huống	X	X		X	X	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X	X
biên bệnh án	X	X		X	X	X	X			X	X	X		X		X	X	X
Học tập trải nghiệm (lab)	X	X		X	X		X			X	X			X		X		X
Học tập tại cộng đồng	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Hình thức	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
Điểm Chuyên cần	Ý thức học tập học phần lý thuyết và thực hành của sinh viên	10%	
Điểm kiểm tra GHP	Điểm trung bình cộng các bài thực hành, hoặc đối với học phần chỉ có nội dung lý thuyết, thực hành hoặc lâm sàng sau khi học hoàn thành được 2/3 nội dung học phần	20%	Học phần không lấy điểm thực hành
		10%	Học phần có lấy điểm thực hành
Điểm thực hành	Kết quả bài kiểm tra thực hành cuối kỳ, trước khi thi kết thúc học phần	20%	Đối với học phần lâm sàng chuyên khoa lẻ; học phần cơ bản, cơ sở có lấy điểm thực hành
		40%	Đối với học phần chuyên ngành có điểm thực hành
Thi KTHP	Đủ điều kiện thi KTHP, học hết toàn bộ chương trình.	70%	Đối với học phần không lấy điểm thực hành
		40%	Đối với học phần Đối với học phần chuyên ngành có điểm thực hành

		60%	Đối với học phần lâm sàng chuyên khoa lẻ; học phần cơ bản, cơ sở có lấy điểm thực hành
--	--	-----	--

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Chuyên cần	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
MCQ (GHP, KTHP)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					
Tự luận (GHP, KTHP)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Bài tập tình huống (GHP, ĐTH, KTHP)	x	x		x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x
Báo cáo chuyên đề (GHP, ĐTH, KTHP)	x	x	x								x	x	x			x		
Chỉ tiêu thực hành, Lâm sàng (ĐTH, KTHP)					x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x
Thi tốt nghiệp	x	x		x	x					x	x	x	x			x		

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng chương trình đào tạo.

1.1. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền

Trường Đại học Y Dược Thái	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Trường Đại học Y dược
----------------------------	-------------------------------	-----------------------

Bình		Thành phố Hồ Chí Minh
Đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền có y đức, kiến thức cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp về Y học cổ truyền (YHCT) và Y học hiện đại (YHHĐ); có khả năng kế thừa và phát triển vốn YHCT, kết hợp hài hoà YHCT với YHHĐ trong phòng bệnh và chữa bệnh; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	Đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền có y đức, có kiến thức cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp về Y học cổ truyền (YHCT) và Y học hiện đại (YHHĐ), có khả năng kế thừa và phát triển vốn YHCT, kết hợp hài hòa YHCT và YHHĐ trong phòng bệnh và chữa bệnh, có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.	Đào tạo bác sĩ Y học cổ truyền đạt chuẩn năng lực cơ bản của Trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh về hành nghề chuyên nghiệp, ứng dụng kiến thức y học, chăm sóc y khoa, giao tiếp và cộng tác tốt trong giải quyết các vấn đề về sức khỏe ở tuyến cơ sở.

1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Trường Đại học Y Dược Thái Bình	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh
Kiến thức		
- Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong thực hành chuyên môn YHCT. - Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. - Ứng dụng ít nhất một ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong giao tiếp, thu thập thông tin và thực hành nghề nghiệp - Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát có hiệu quả các hoạt động YHCT. - Vận dụng được kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	Ứng dụng được các kiến thức về y học hình thái, y học chức năng của Y học hiện đại (YHHĐ) (Giải phẫu, giải phẫu bệnh, mô phôi, sinh lý, sinh lý bệnh, hóa sinh, huyết học), và y lý cổ truyền (lý luận cơ bản, chẩn đoán học, nguyên nhân bệnh) của YHCT trong thực hành y khoa lâm sàng.	Giải thích được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở về YHCT và YHHĐ làm nền tảng cho y học lâm sàng. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh của YHCT và YHHĐ trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Giải thích được các phương pháp luận khoa học của YHCT và YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học. Vận dụng được pháp luật và chính sách của nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong thời kỳ đổi mới. Sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ (mức tối thiểu Trung cấp-Bậc 3-cấp độ B1 Khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR) hoặc tương đương), ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo khung năng lực quốc gia.
Kỹ năng		

- Khai thác tiền sử, bệnh sử của người bệnh chính xác, đầy đủ, rõ ràng; khám, chẩn đoán, chỉ định cận lâm sàng và thăm dò chức năng phù hợp; tiên lượng, điều trị được các bệnh thông thường. - Xử trí được một số trường hợp cấp cứu, dịch bệnh thông thường và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp. Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm. - Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của YHCT theo quy định. - Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử, tạo sự yên tâm, hợp tác trước, trong quá trình thăm khám và điều trị. - Sử dụng thuốc YHCT hợp lý, an toàn kết hợp y học hiện đại trong công tác chăm sóc và phòng bệnh. - Giao tiếp với người bệnh và gia đình có hiệu quả trên cơ sở đồng cảm, có sự xem xét các yếu tố văn hóa tín ngưỡng và mức độ hiểu biết về y tế của người bệnh, đảm bảo an toàn người bệnh, lấy người bệnh làm trung tâm. - Thực hiện giao tiếp và cộng tác hợp lý với lãnh đạo, đồng nghiệp trong việc điều trị, chăm sóc người bệnh. - Phát hiện sớm các dịch bệnh, đề xuất và tham gia phòng chống dịch bằng YHCT.	- Thực hiện được các thao tác thăm khám lâm sàng theo YHHĐ và YHCT (tứ chẩn, bát cương), chỉ định và phân tích đúng kết quả các xét nghiệm thường quy, hình ảnh học, thăm dò chức năng phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thường gặp. - Ứng dụng được các kiến thức bệnh học cơ sở và bệnh học lâm sàng (theo YHHĐ và YHCT) để chẩn đoán và điều trị được các bệnh lý thường gặp ở các chuyên ngành y khoa (Nội, Ngoại, Nhi, Lão, Phụ sản, Ngũ quan, Da liễu, Truyền nhiễm, Tâm thần, Phục hồi chức năng). - Thực hành được sự sử dụng thuốc YHCT (nhận dạng, chế biến, phối hợp thuốc) để điều trị các bệnh thường gặp. - Thực hiện được các thủ thuật điều trị bằng phương pháp không dùng thuốc (châm cứu, xoa bóp - bấm huyệt, dưỡng sinh) để điều trị các bệnh thường gặp. - Xử trí cấp cứu ban đầu được trong các trường hợp bệnh lý thường gặp của các chuyên khoa (Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa, Sản-phụ khoa) bằng YHHĐ kết hợp YHCT. - Tư vấn hiệu quả, cung cấp thông tin phù hợp, đầy đủ cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng để nâng cao sức khỏe, phòng ngừa bệnh tật, tuân thủ điều trị và phục hồi chức năng. - Trình bày được mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ của mạng lưới y tế Việt Nam trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. - Áp dụng được phương pháp luận khoa học, phương pháp thống kê y học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học. - Vận dụng kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước trong	- Chẩn đoán được các bệnh thường gặp, một số bệnh chuyên khoa và các trường hợp cấp cứu thông thường bằng YHCT kết hợp YHHĐ. - Xử trí được các bệnh thường gặp, một số bệnh chuyên khoa và các trường hợp cấp cứu thông thường bằng YHCT kết hợp YHHĐ. - Chỉ định và đánh giá được các xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường. - Thực hiện đúng các thủ thuật cơ bản trong điều trị YHCT và YHHĐ. - Đề xuất được những biện pháp xử trí thích hợp để chăm sóc, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường. - Phát hiện được sớm các dịch bệnh và tham gia phòng chống dịch bằng YHCT và YHHĐ. - Tham gia các chương trình YHCT trong công tác thừa kế, xã hội hoá, chăm sóc sức khỏe ban đầu cũng như giám sát, đánh giá các công tác YHCT tại cơ sở. - Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. - Viết được đề cương NCKH cấp cơ sở lĩnh vực YHCT, YHCT kết hợp YHHĐ. - Thực hiện được các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, báo cáo, tìm tài liệu, có khả năng tiếp cận, giao lưu và hợp tác tốt với đồng nghiệp và các chuyên gia khác. Có khả năng tự học, tự đào tạo liên tục, đào tạo
---	---	--

	thực hành nghề nghiệp; theo đúng yêu cầu của ngành đào tạo. - Giao tiếp, công tác và làm việc nhóm hiệu quả hiệu quả; ứng xử chuyên nghiệp; thể hiện tinh thần trung thực, khách quan, trách nhiệm; thể hiện tinh thần, thái độ lấy người bệnh làm trung tâm; tôn trọng quyền lợi người bệnh, bảo đảm sự bảo mật thông tin cho người bệnh và ý thức phục vụ cộng đồng. - Thực hiện tốt các kỹ năng mềm để xử lý công việc: Kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý, kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng thể hiện tư duy phản biện, tư duy sáng tạo; kỹ năng thuyết trình, viết báo cáo, bài báo khoa học; kỹ năng tự học và học tập suốt đời.	sau đại học. Có khả năng cập nhật kiến thức và các kỹ năng mới, tự hoàn thiện và trở thành chuyên gia trong nghề nghiệp.
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm		
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm - Tuân thủ đúng các quy định của ngành, pháp luật của Nhà nước và chịu trách nhiệm cá nhân về những hành vi, ứng xử và hoạt động nghề nghiệp. - Chủ động, tích cực học tập để hoàn thiện các kỹ năng học tập suốt đời nhằm nâng cao năng lực tự định hướng, đưa ra kết luận, xử trí chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề nghiệp. - Ứng xử theo đạo đức nghề nghiệp trong việc đảm bảo công bằng, trung thực, tôn trọng, cảm thông, chia sẻ với người bệnh và gia đình. - Phối hợp, ứng xử chuyên nghiệp với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp. - Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm - Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để giao tiếp, tra cứu tài liệu; thu thập thông tin mới và áp dụng vào thực tiễn. - Viết báo cáo và phát biểu về các chủ đề liên quan đến ngành đào tạo; trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp. - Luyện tập được ít nhất một môn thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe và thể chất cho bản thân.	Yêu cầu về thái độ - Xây dựng thái độ tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành. - Nhận thức được tầm quan trọng của việc kết hợp Y học hiện đại với Y học cổ truyền. - Nhận thức được tầm quan trọng của luật pháp, thực hiện đúng nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.

1.3. Khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo

Mô tả	Trường Đại học Y Dược Thái Bình		Trường Đại học Y Dược Cần Thơ		Trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh	
	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
Kiến thức cơ bản	42	19,8	32	15,2	27	13,6
Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	58	27,4	64	30,5	39	19,7
Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	102	48,1	106	50,5	108	54,5
Tốt nghiệp	10	4,7	4	1,9	10	5,1
Kiến thức tự chọn	0	0	4	1,9	14	7,1
Tổng	212		210		198	

2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Kết quả khảo sát các bên liên quan được tổng hợp, đối sánh làm căn cứ xây dựng/cải thiện chất lượng CTĐT:

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Định hướng giảng dạy những năm đầu theo mục tiêu cung cấp những kiến thức cơ bản đáp ứng mục tiêu PEO1, PEO2. Bổ sung một số học phần tự chọn cho phù hợp với tình hình thực tế.	Điều chỉnh nội dung các học phần lý luận chính trị Cập nhật mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra Điều chỉnh nội dung học tập, phương pháp đánh giá và trọng số tính điểm thành phần của các học phần, nhằm tăng cường năng lực thực hành kỹ năng.
Cựu sinh viên	Đa phần các ý kiến đồng ý về mức độ cần thiết của học phần và mức độ hợp lý của tín chỉ của các môn học thuộc khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành ở mức 4 và 5 (chiếm từ 80% trở lên). Bổ sung một số học phần tự chọn	
Nhà tuyển dụng	Tăng cường năng lực sử dụng CNTT và ngoại ngữ Phân tích số liệu và phần mềm thống kê	
Giảng	Đa phần các ý kiến đồng ý về mức độ cần thiết của học	

viên	phần và mức độ hợp lý của tín chỉ của các môn học thuộc khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành ở mức 4 và 5 (chiếm từ 80% trở lên).	
Sinh viên	Đa phần các ý kiến nhất trí về mức độ cần thiết của học phần và mức độ hợp lý của tín chỉ của các môn học thuộc khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành ở mức 4 và 5 (chiếm từ 80% trở lên).	

XII. Mô tả tóm tắt các Học phần/Module thuộc chương trình đào tạo

1. Giáo dục thể chất 1 (1,0 TC - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 9110PHYSED1P

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Giáo dục thể chất

Học phần Giáo dục Thể chất I nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về lịch sử phát triển, khái niệm, vị trí, tác dụng và đặc điểm về các môn điền kinh. Cách phân loại môn điền kinh. Giới thiệu những kiến thức, nguyên lý kỹ thuật, kỹ năng thực hành các môn điền kinh: chạy (chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình) , nhảy cao kiểu “Úp bụng” và hình thức tổ chức thi đấu và trọng tài của từng môn.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

2. Giáo dục thể chất 2 (1,0 TC - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 9110PHYSED2P

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Giáo dục thể chất

Học phần Giáo dục Thể chất II nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng các kỹ thuật bóng chuyền vào trong tập luyện và thi đấu. Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản sau: Lịch sử hình thành và phát triển môn học; ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ chiến thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài cũng như các bài tập bổ trợ kỹ thuật và thể lực thi đấu môn Bóng chuyền.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

3. Giáo dục thể chất 3(1,0 TC - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 9110PHYSED3P

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Giáo dục thể chất

Học phần Giáo dục Thể chất III nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng các kỹ thuật cầu lông vào trong tập luyện và thi đấu. Một số điều luật môn cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Nguyên lý kỹ thuật môn cầu lông, chiến thuật trong thi đấu đơn và đôi, chiến thuật phát cầu trong thi đấu cầu lông, thực hành tốt các kỹ thuật đập cầu thuận tay, bỏ nhỏ sát lưới, chém cầu, chặn cầu sát lưới và đánh cầu trên lưới, các bài tập phối hợp đánh cầu và bài tập thể lực thi đấu trong môn cầu lông.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

4. Triết học Mác – Lênin (3,0 TC - 3,0 TCLT)

Mã học phần: 9110MLPHILOTT

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị

Học phần triết học Mác – Lênin gồm 03 chương, được giảng dạy và thảo luận trên lớp với thời lượng 45 tiết (03 tín). Chương 1 trình bày những tri thức cơ bản về triết học, triết học Mác – Lênin, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; Ý thức xã hội; triết học về con người.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

5. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2,0 TC - 2,0 TCLT)

Mã học phần: 9110MLPHILOTT

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị

Chương trình học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin gồm 6 chương:

Chương I: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác- Lênin.

Chương II : Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Chương III : Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.

Chương IV : Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Chương V: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.

Chương VI : Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

6. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2,0 TC - 2,0 TCLT)

Mã học phần: 9110SOCIAL0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 07 chương, được giảng dạy và thảo luận trên lớp với thời lượng 30 tiết (02 tín)). Chương 1 trình bày những tri thức cơ bản về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH. Chương 2 trình bày những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay. Chương 3 trình bày quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH; sự vận dụng vấn đề này ở Việt Nam. Chương 4 trình bày bản chất nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN nói chung, ở Việt Nam nói riêng. Chương 5 trình bày vấn đề cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Chương 6 trình bày vấn đề dân tộc, tôn giáo, mối quan hệ dân tộc – tôn giáo và quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề này. Chương 7 trình bày vấn đề gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH, xây dựng gia đình ở Việt nam hiện nay.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

7. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2,0 TC - 2,0 TCLT)

Mã học phần: 9110HCMIDL0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị

Chương trình của học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 7 chương: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam. và Nhà nước Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

8. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2,0 TC - 2,0 TCLT)

Mã học phần: 9110REVVCP0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Lý luận chính trị

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa..

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

9. Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh 1) (3,0 TC - 3,0 TCLT)

Mã học phần: 6111FRLGEN1T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng về các chủ đề như bản thân, gia đình, công việc, tình cảm, thể thao, hàng hóa, mua sắm, điện ảnh... Kết hợp, lồng ghép phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm phát triển khả năng ngôn ngữ của sinh viên. Nhiều hiện tượng ngữ pháp được giới thiệu, ôn tập, củng cố và mở rộng như: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các tính từ kết thúc với -ing và -ed, so sánh của tính từ và trạng từ, lượng từ, danh từ và mạo từ Sự đa dạng của bài tập giúp sinh viên thực hành tốt hơn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đánh giá và tự đánh giá.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

10. Ngoại ngữ 2 (Tiếng Anh 2) (2,0 TC - 2,0 TCLT)

Mã học phần: 6111FRLGEN2T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng về các lĩnh vực như mua sắm, phát minh và khoa học, các thiết bị điện tử, văn hoá và giao tiếp phi ngôn ngữ... Kết hợp, lồng ghép phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm phát triển khả năng ngôn ngữ của sinh viên. Nhiều hiện tượng ngữ pháp được giới thiệu, ôn tập, củng cố và mở rộng như: Hiện tại hoàn thành, tương lai đơn và tương lai dự định, các câu điều kiện loại không, loại 1, các động từ tính thái Sự đa dạng của bài tập

giúp sinh viên thực hành tốt hơn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đánh giá và tự đánh giá.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

11. Ngoại ngữ 3 (Tiếng Anh 3) (2,0 TC - 2,0 TCLT)

Mã học phần: 6111FRLGEN3T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng về các lĩnh vực như môi trường, thiên tai, thảm họa, an ninh tội phạm, văn hoá đọc,... Kết hợp, lồng ghép phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm phát triển khả năng ngôn ngữ của sinh viên. Nhiều hiện tượng ngữ pháp được giới thiệu, ôn tập, củng cố và mở rộng như: các câu điều kiện loại 0, loại 1, các động từ tính thái, thì quá khứ hoàn thành, câu tường thuật, câu bị động Sự đa dạng của bài tập giúp sinh viên thực hành tốt hơn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đánh giá và tự đánh giá.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

12. Ngoại ngữ 4 (Tiếng Anh 4) (2,0 TC - 2,0 TCLT)

Mã học phần: 6111FRLGEN4T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

Thông qua chương trình người học được luyện tập kỹ năng giao tiếp, đọc hiểu, đọc dịch đồng thời nắm vững những từ, tổ hợp từ và cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh cơ bản liên quan đến ngành Điều dưỡng như thủ tục nhập viện, vệ sinh, chăm sóc người cao tuổi, theo dõi người bệnh... Sự đa dạng của bài tập giúp sinh viên thực hành tốt hơn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đánh giá và tự đánh giá.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

13. Tin học đại cương(2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6110INFORM1T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Toán tin

Giới thiệu với sinh viên ba nội dung chính sau:

- **Hệ điều hành Windows:** Sinh viên được cung cấp những khái niệm cơ bản về hệ thống máy tính, hướng dẫn một số thao tác trên hệ điều hành Windows.

- **Tin học văn phòng:** Sinh viên được học chủ yếu dưới dạng thực hành các phần mềm ứng dụng cơ bản bao gồm xử lý văn bản, bảng tính. Phần mềm được chọn dùng cho giảng dạy là bộ Microsoft Office 2010.
- **Khai thác Internet:** Sinh viên được giới thiệu cách khai thác sử dụng một số dịch vụ Internet bao gồm: Các thao tác khi duyệt Web, tìm kiếm thông tin, dịch vụ thư điện tử.
- Công thức tính điểm: $\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$

14. Xác suất thống kê (1,0 TC - 1,0 TCLT)

Mã học phần: 6110STATIS0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Toán tin

Học phần Xác suất - Thống kê cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê, giúp sinh viên hiểu được khái niệm xác suất, các công thức tính xác suất và ứng dụng các quy luật phân phối xác suất để giải các bài toán thống kê: bài toán ước lượng, bài toán kiểm định.

Học phần này sẽ giúp sinh viên vận dụng kiến thức xác suất thống kê vào việc học tập kiến thức chuyên ngành và cập nhật thông tin khoa học trong lĩnh vực y dược.

Công thức tính điểm: $\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$

15. Lý sinh (1,0 TC - 1,0 TCLT)

Mã học phần: 6110BIOPHY0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Y vật lý

Lý sinh y học là môn học ứng dụng lý thuyết và phương pháp của khoa học vật lý vào nghiên cứu một số hiện tượng xảy ra trên cơ thể sống.

Nội dung gồm kiến thức về sự biến đổi năng lượng trên cơ thể sống; sự vận chuyển chất trong cơ thể; âm và siêu âm, hiện tượng điện sinh vật; quang sinh học; phóng xạ sinh học. Nguyên lý của phép đo các tín hiệu từ cơ thể và nguyên tắc an toàn khi sử dụng một số thiết bị trong chẩn đoán, điều trị.

Công thức tính điểm: $\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$

16. Hóa học (1,0 TC - 1,0 TCLT)

Mã học phần: 6110CHEMIS0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Hóa học

Hóa học là học phần kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử, tính chất các nguyên tố trong bảng hệ thống tuần hoàn, cấu tạo phân tử, liên kết hóa học, tính chất của dung dịch các chất điện ly, dung dịch keo làm cơ sở để học tập các học phần tiếp theo trong chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng.

Công thức tính điểm: $\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,1 + \text{ĐTH} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,6$

17. Sinh học và Di truyền(2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6110BIOLOG0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn sinh học

Nội dung học phần gồm kiến thức về sinh học phân tử, sinh học tế bào, kiến thức về vai trò của di truyền y học, đặc điểm của các nhóm bệnh di truyền chính.

Công thức tính điểm: $\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,1 + \text{ĐTH} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,6$

18. Tâm lý Y học – Y đức (2,0 TC - 2,0 TCLT)

Mã học phần: 6120MEDPSY0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Xã hội học sức khỏe

Tâm lý y học và Đạo đức y học là một trong nhiều môn học nghiên cứu về con người, môn học này nhằm giúp sinh viên nhận thức được đời sống tinh thần phong phú, đa dạng nhưng vô cùng phức tạp của con người. Trong hoạt động nghề nghiệp, cán bộ y tế phải thường xuyên tiếp xúc với nhiều người bệnh khác nhau. Quá trình thăm khám và điều trị đạt hiệu quả hơn khi cán bộ y tế vững chuyên môn nghiệp vụ và hiểu được tâm lý người bệnh. Đặc biệt, qua môn học, người cán bộ y tế trong tương lai sẽ được trang bị nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, góp phần hoàn thiện nhân cách con người.

Đào tạo con người Tài – Đức vẹn toàn là nhiệm vụ trọng yếu trong sự nghiệp “trồng người” của dân tộc. Tâm lý y học và đạo đức y học là một trong những môn học đảm nhận trọng trách đó.

Công thức tính điểm: $\text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,2 + \text{ĐKTHP} \times 0,7$

19. Giải phẫu học (4,0 TC - 2,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần:

6120ANATOM1T - Giải phẫu 1 (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

6120ANATOM2T - Giải phẫu 2 (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Đơn vị giảng dạy: BM Giải phẫu học

Môn giải phẫu là môn học bắt buộc trong khối các môn học cơ sở ngành của chương trình đào tạo cử nhân Điều dưỡng trình độ đại học.

Cung cấp kiến thức về đặc điểm giải phẫu các cấu trúc, hệ cơ quan trong cơ thể người bình thường, những liên hệ về chức năng và áp dụng vào việc học tập các môn học của ngành điều dưỡng.

Xác định được các mốc giải phẫu áp dụng vào việc học tập các môn học của ngành điều dưỡng.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 +ĐTH x 0,2+ ĐKTHP x 0,6

20. Hoá sinh (3,0 TC - 2,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6110BIOCHM0T

Đơn vị giảng dạy: BM Hóa sinh

Hóa sinh là môn học nghiên cứu về thành phần hóa học của cơ thể sống và chuyển hóa của chúng trong cơ thể.

Nội dung giảng dạy của môn học hóa sinh được chia thành 3 phần: cấu tạo, chuyển hóa chất và hóa sinh cơ quan.

Phần một: Giới thiệu về cấu tạo, tính chất, vai trò, nguồn gốc của các hợp chất hữu cơ cơ bản cấu tạo nên cơ thể sống đó là glucid, lipid, protein và một số phân tử đặc biệt như haemoglobin, hormone, enzyme

Phần hai: Trình bày về đại cương chuyển hóa và sự oxy hóa khử sinh học, trên cơ sở đó giới thiệu về chuyển hóa của các chất glucid, lipid, protein, hemoglobin,

Phần ba: Trình bày về các hoạt động hóa sinh của các cơ quan chủ yếu trong cơ thể như gan, thận, thẳng bằng acid – base, trao đổi nước và các chất vô cơ.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 +ĐTH x 0,2+ ĐKTHP x 0,6

21. Vi sinh (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6120MICBIO0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Vi sinh

Phần đại cương vi sinh y học cung cấp những kiến thức cơ bản về vi khuẩn, virus, di truyền vi khuẩn, nhiễm trùng và miễn dịch chống nhiễm trùng, nguyên lý, nguyên tắc sử dụng vaccine và huyết thanh miễn dịch, các kỹ thuật miễn dịch dùng trong chẩn đoán vi sinh vật, cơ chế tác động của kháng sinh lên tế bào vi khuẩn, cơ chế tác động của thuốc kháng virus.

Phần chuyên đề cung cấp những kiến thức chính liên quan đến vi sinh vật gây bệnh. Ở mỗi vi sinh vật gây bệnh đề cập đến những đặc điểm sinh học quan trọng của chúng, đó là cơ sở để định danh dựa trên các tính chất về hình thể, nuôi cấy, tính chất hóa sinh, kháng nguyên, gen đặc hiệu và cũng là cơ sở nghiên cứu độc lực, khả năng và cơ chế gây bệnh, đây chuyên dịch tế học làm cơ sở khoa học cho các biện pháp phòng bệnh và điều trị các bệnh do chúng gây ra.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 +ĐTH x 0,2+ ĐKTHP x 0,6

22. Sinh lý học (3,0 TC - 2,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6120PHYSIO0T

Đơn vị giảng dạy: BM Sinh lý học

Lý thuyết: Sinh lý cơ quan và hệ thống cơ quan bao gồm các nội dung về hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể như: Hệ máu, hệ tuần hoàn, hô hấp, hệ tiêu hóa, tiết niệu, hệ thống nội tiết, hệ sinh sản, hệ thống thần kinh.

Thực hành: Các xét nghiệm máu cơ bản : đếm số lượng hồng cầu, số lượng bạch cầu, định công thức bạch cầu phổ thông, định lượng huyết sắc tố, định nhóm máu hệ ABO, đo tốc độ lắng máu, thời gian máu chảy, máu đông. Thực nghiệm chứng minh lý thuyết thần kinh, tuần hoàn, sinh sản.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 +ĐTH x 0,2+ ĐKTHP x 0,6

23. Sinh lý bệnh – Miễn dịch (3,0 TC - 2,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6120PATRIO0T

Đơn vị giảng dạy: BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch là một môn học ghép giữa hai môn Sinh lý bệnh học và Miễn dịch học. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về sinh bệnh học; các quy luật hoạt động của cơ thể trong các quá trình bệnh lý; những thay đổi chức năng của các cơ quan khi bị bệnh lý; vai trò của hệ thống miễn dịch và một số cơ chế rối loạn miễn dịch. Trên cơ sở

đó, môn học này giúp người học hiểu được nguyên lý và thực hiện được một số kỹ thuật trong chăm sóc người bệnh.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 +ĐTH x 0,2+ ĐKTHP x 0,6

24. Dược lý học (3,0 TC-2,0 TCLT-1,0 TCTH)

Mã học phần: 6120PHARMA0T

Đơn vị giảng dạy: BM Dược lý - Độc chất - Dược lâm sàng

Môn học Dược lý cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tác dụng, cơ chế tác dụng, áp dụng lâm sàng, tác dụng không mong muốn của từng nhóm thuốc phân theo tác dụng sinh lý - bệnh lý - điều trị học. Từ những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể hướng dẫn sử dụng thuốc và theo dõi quá trình sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

Phần thực hành Dược lý học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đơn thuốc, các dạng bào chế của thuốc, một số thí nghiệm dược lý minh họa. Từ những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể đọc, hiểu và thực hiện đúng y lệnh thuốc trong đơn, hướng dẫn sử dụng thuốc đúng, an toàn, hợp lý.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 +ĐTH x 0,2+ ĐKTHP x 0,6

25. Ký sinh trùng (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6120PARASI0T

Đơn vị giảng dạy: BM Ký sinh trùng

Môn học ký sinh trùng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, sinh lý, sinh thái, tác hại của một số mầm bệnh ký sinh trùng gây bệnh thường gặp ở Việt Nam đồng thời cung cấp kiến thức về đặc điểm dịch tễ học của bệnh ký sinh trùng, nguyên tắc và các biện pháp phòng chống ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng cũng như mối liên quan giữa ký sinh trùng với sức khỏe cộng đồng.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 +ĐTH x 0,2+ ĐKTHP x 0,6

26. Giáo dục sức khỏe (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6120HLTEDU0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Tổ chức và quản lý y tế

Giáo dục sức khỏe là một môn học của Y tế công cộng. Hiện nay, Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe đang là một chức năng, nhiệm vụ bắt buộc của ngành y tế, của tất cả các cán bộ y tế, là giải pháp hàng đầu, có hiệu quả nhất trong các giải pháp bảo vệ và tăng cường sức khỏe nhân dân, là nội dung số 1 trong các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Việt Nam và thế giới. Hiện nay, Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe là một môn học nằm trong chương trình chính khóa được giảng dạy cho sinh viên ngành học bác sỹ đa khoa trong tất cả các trường Đại học Y trên toàn quốc.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 +ĐTH x 0,4+ ĐKTHP x 0,4

27. Dịch tễ học (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6120EPIDEM0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Dịch tễ học

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên Cử nhân điều dưỡng những khái niệm liên quan tới những nguyên lý và các phương pháp cơ bản của dịch tễ học được áp dụng trong việc xác định, kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật trong cộng đồng..

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 +ĐTH x 0,4+ ĐKTHP x 0,4

28. Tổ chức Y tế (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6120HLTMNG0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Tổ chức và quản lý y tế

Tổ chức & Quản lý Y tế là một khoa học của chuyên ngành Y xã hội học. Kiến thức về Tổ chức & Quản lý Y tế sẽ giúp cho cán bộ y tế sử dụng các nguồn lực của đơn vị, cộng đồng một cách có hiệu quả cao. Nội dung môn học Tổ chức & Quản lý Y tế được biên soạn theo phương châm: Kiến thức cơ bản, hệ thống, nội dung chính xác, khoa học, cập nhập các tiên bộ khoa học, kỹ thuật hiện đại và thực tiễn ở Việt Nam.

Tập tài liệu Tổ chức & Quản lý Y tế gồm 9 bài, đề cập đầy đủ đến các nội dung về tổ chức và quản lý các hoạt động y tế, cụ thể: Hệ thống Y tế và hệ thống tổ chức ngành Y tế Việt Nam; Các chỉ số sức khỏe cộng đồng và quản lý thông tin Y tế; Đại cương về quản lý và quản lý Y tế. Lập kế hoạch Y tế; Tổ chức thực hiện, điều hành, giám sát và đánh giá các hoạt động chăm sóc sức khỏe; Quản lý nguồn lực Y tế; Bảo hiểm Y tế; Đại cương về kinh tế học và kinh tế Y tế; Đánh giá kinh tế Y tế.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 +ĐTH x 0,4+ ĐKTHP x 0,4

29. Phương pháp nghiên cứu khoa học (10 TC - 1,0 TCLT)

Mã học phần: 6120ESRMTH0T

Đơn vị giảng dạy: Khoa Y tế công cộng

Môn Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Y tế công cộng

Học phần/module Phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học kỹ năng làm nghiên cứu khoa học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là học lý thuyết trên lớp, thảo luận nhóm, Nghiên cứu và nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm viết chuyên đề và báo cáo chuyên đề. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra mức độ cao của chương trình đào tạo

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

30. Sức khỏe môi trường (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6120ENVHLT0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Sức khỏe môi trường

Học phần sức khỏe môi trường là một trong nhiều môn học nghiên cứu về môi trường, sự tác động qua lại giữa môi trường và con người, môn học này nhằm giúp sinh viên nhận thức được những ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe con người và đời sống sinh vật. Đồng thời qua môn học sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về y học lao động sức khỏe nghề nghiệp: xác định được nguyên nhân triệu chứng và các biện pháp khắc phục tác hại nghề nghiệp.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 +ĐTH x 0,4+ ĐKTHP x 0,4

31. Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (3,0 TC - 2,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6120NUTSFE0T

Đơn vị giảng dạy: Dinh dưỡng & ATTP

Học phần Dinh dưỡng & ATTP sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mối liên quan giữa dinh dưỡng, sức khỏe và bệnh tật. Sinh viên được

nghiên cứu về vai trò, nhu cầu của các chất sinh năng lượng, vitamin và chất khoáng, biết được giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh một số thực phẩm thường sử dụng, biết được mối quan hệ thiết yếu giữa thức ăn và cơ thể con người. Học phần này cũng sẽ giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào việc đánh giá tình trạng dinh dưỡng qua các chỉ tiêu nhân trắc, xây dựng được khẩu phần ăn hợp lý cho người bình thường và thực hiện được các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng, biết cách quản lý và dự phòng một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng..

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 +ĐTH x 0,1+ ĐKTHP x 0,6

32. Kỹ năng giao tiếp (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6130COMSKL0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Xã hội học sức khỏe – Skillslab

Lí thuyết: giới thiệu những kiến thức cơ bản về giao tiếp, vai trò, chức năng của giao tiếp, các phương tiện và hình thức giao tiếp... tạo cơ sở cho sinh viên tự tin khi giao tiếp.

Thực hành: giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp với người bệnh, người nhà bệnh nhân và với đồng nghiệp. Từ đó, giúp sinh viên hình thành các kỹ năng cần thiết để thiết lập mối quan hệ giữa người bệnh và nhân viên y tế. Với phương châm, lấy người bệnh làm trung tâm khi phát triển các mối quan hệ giao tiếp, từ đó giúp sinh viên hình thành phong cách và kỹ năng giao tiếp tốt.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 +ĐTH x 0,4+ ĐKTHP x 0,4

33. Y học cổ truyền (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6130TRAMED0B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Y học cổ truyền

Y học cổ truyền là học phần chuyên khoa đặc biệt, giúp cho sinh viên vận dụng tốt chủ trương kết hợp Y học hiện đại – Y học cổ truyền trong hoạt động chuyên môn của mình sau này. Nội dung học phần bao gồm những học thuyết của hệ lý luận cơ bản và phương pháp chẩn đoán bệnh theo Y học cổ truyền, các phương pháp chữa bệnh bằng thuốc Nam theo toa căn bản và không dùng thuốc để điều trị một số bệnh thông thường. Học phần này giúp người học nhận dạng được một số vị thuốc Nam theo toa căn bản, làm được các thủ thuật châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt,...để điều trị một số bệnh thường gặp.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 + ĐTH x 0,4 + ĐKTHP x 0,4

34. Điều dưỡng cơ bản 1 (4,0 TC - 2,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần: 6130BSCNUR1B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Điều dưỡng

Học phần Điều dưỡng cơ bản là một trong các môn học nằm trong chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận chung về Điều dưỡng thông qua cả học thuyết, quy trình Điều dưỡng và các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trong thực hành điều trị, chăm sóc người bệnh đáp ứng được chuẩn đầu ra cũng như chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam. Các kỹ thuật Điều dưỡng được trình bày theo quy trình chi tiết, cụ thể và logic, có đánh số thứ tự các quy trình giống như một bảng kiểm giúp cho sinh viên tiếp cận dễ dàng hơn. Ngoài ra học phần này cũng chú trọng đến các kỹ năng chăm sóc và xử trí các trường hợp lâm sàng cụ thể, đó là những kỹ năng thực hành cơ bản và cần thiết khi chăm sóc người bệnh. Ngoài phần bài giảng, các kỹ năng Điều dưỡng còn được minh họa bằng các hình ảnh giúp sinh viên tiếp thu một cách trực quan và dễ hiểu hơn.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

35. Điều dưỡng cơ bản 2 (4,0 TC - 2,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần: 6130BSCNUR2B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Điều dưỡng

Học phần Điều dưỡng cơ bản là một trong các môn học nằm trong chương trình đào tạo cử nhân Điều dưỡng. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về một số kỹ thuật quy trình kỹ thuật Điều dưỡng như hút thông đường hô hấp, thở oxy, thắt tháo, thông tiểu... Các kỹ thuật sơ cứu - cấp cứu ban đầu cho bệnh nhân gồm sơ cứu chảy máu, sơ cứu gãy xương, hồi sinh tim phổi, những việc cần làm để phụ giúp bác sĩ trong các thủ thuật. Đồng thời trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực hành một số kỹ thuật điều dưỡng trong chăm sóc, sơ cứu - cấp cứu người bệnh và phụ giúp bác sĩ trong các tình huống cụ thể. Các kỹ năng Điều dưỡng được trình bày theo quy trình chi tiết, cụ thể và logic, có đánh số thứ tự các quy trình giống như một bảng kiểm giúp cho sinh viên tiếp cận dễ dàng hơn. Ngoài ra học phần này cũng chú trọng đến các kỹ năng chăm sóc và xử trí các trường hợp lâm sàng cụ thể, đó là những kỹ năng thực hành cơ bản và cần thiết khi chăm sóc người bệnh. Ngoài phần bài giảng, các kỹ năng Điều dưỡng còn được minh họa bằng các hình ảnh giúp sinh viên tiếp thu một cách trực quan và dễ hiểu hơn.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

36. Kiểm soát nhiễm khuẩn (3,0 TC - 2,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6130INFCTL0B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Điều dưỡng

Học phần lý thuyết của Kiểm soát nhiễm khuẩn cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng trong lĩnh vực Kiểm soát Nhiễm khuẩn. Giúp sinh viên hiểu được cách thức tổ chức và hoạt động của hệ thống Kiểm soát Nhiễm khuẩn tại các cơ sở Khám chữa bệnh ở Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý. Bên cạnh đó, sinh viên được trang bị những kỹ kiến thức cơ bản trong đề phòng lây nhiễm, hạn chế nguy cơ lây nhiễm cho bản thân, người bệnh và cộng đồng. Luyện cho sinh viên có đức tính trung thực, khách quan, tuân thủ thực hành nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

37. Quản lý điều dưỡng (4,0 TC - 2,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần: 6130NURMNG0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Điều dưỡng

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng trong lĩnh vực quản lý điều dưỡng. Giúp sinh viên hiểu được hệ thống tổ chức điều dưỡng Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý, cách giải quyết vấn đề, giải quyết mâu thuẫn, cũng như cách lồng ghép chăm sóc thuốc trong chăm sóc điều dưỡng. Trang bị cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông. Vận dụng được kiến thức quản lý để tính toán và phân bổ nhân lực cho khoa phòng, bệnh viện, quản lý thời gian, quản lý trang thiết bị vật tư y tế trong khoa. Hình thành những phẩm chất chuyên nghiệp khi hành nghề sau tốt nghiệp như đức tính trung thực, khách quan; tôn trọng, chân thành và hợp tác với đồng nghiệp; có ý thức tự học và phát triển nghề nghiệp; Tuân thủ thực hành nghề nghiệp theo qui định pháp luật.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

38. Điều dưỡng Nội 1 (4,0 TC - 2,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần: 6130INTNUR1B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Điều dưỡng

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho người lớn mắc các bệnh nội khoa và chuyên khoa hệ nội; Các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nội khoa (Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh). Vì vậy, học phần này giúp

sinh viên từng bước có khả năng độc lập trong chăm sóc các bệnh lý nội khoa cũng như dự đoán được các nguy cơ có thể xảy ra để đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh, giúp người học có khả năng tư vấn giáo dục để nâng cao sức khỏe và thay đổi các thói quen sinh hoạt chưa đúng để phòng tránh biến chứng và bệnh tái phát. Phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên thông qua các hướng dẫn tự học. Áp dụng phương pháp sử dụng các case lâm sàng giả định trong các bài học để phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình thông qua thảo luận cũng như hướng sinh viên tới các tình huống có thể gặp trên lâm sàng sớm nhất có thể.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

39. Điều dưỡng Nội 2 (4,0 TC - 2,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần: 6130INTNUR2B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Điều dưỡng

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho người lớn mắc các bệnh nội khoa và chuyên khoa hệ nội; Các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nội khoa (Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh). Vì vậy, học phần này giúp sinh viên từng bước có khả năng độc lập trong chăm sóc các bệnh lý nội khoa cũng như dự đoán được các nguy cơ có thể xảy ra để đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh, giúp người học có khả năng tư vấn giáo dục để nâng cao sức khỏe và thay đổi các thói quen sinh hoạt chưa đúng để phòng tránh biến chứng và bệnh tái phát. Phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên thông qua các hướng dẫn tự học. Áp dụng phương pháp sử dụng các case lâm sàng giả định trong các bài học để phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình thông qua thảo luận cũng như hướng sinh viên tới các tình huống có thể gặp trên lâm sàng sớm nhất có thể.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

40. Điều dưỡng Ngoại 1 (4,0 TC - 2,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần: 6130SRGNUR1B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Điều dưỡng

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho người lớn mắc các bệnh ngoại khoa và chuyên khoa hệ ngoại; Các kỹ thuật và quy trình chăm sóc ngoại khoa (Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh). Vì vậy, học phần này giúp sinh viên từng bước có khả năng độc lập trong chăm sóc các bệnh lý ngoại khoa cũng như dự đoán được các nguy cơ có thể xảy ra để đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh, giúp người học có khả năng tư vấn giáo dục để nâng cao sức khỏe và thay đổi các thói quen sinh hoạt chưa đúng để phòng tránh biến chứng và bệnh

tái phát. Phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên thông qua các hướng dẫn tự học. Áp dụng phương pháp sử dụng các case lâm sàng giả định trong các bài học để phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình thông qua thảo luận cũng như hướng sinh viên tới các tình huống có thể gặp trên lâm sàng sớm nhất có thể.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

41. Điều dưỡng Ngoại 2 (3,0 TC - 1,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần: 6130SRGNUR2B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Điều dưỡng

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho người lớn mắc các bệnh ngoại khoa và chuyên khoa hệ ngoại; Các kỹ thuật và quy trình chăm sóc ngoại khoa (Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh). Vì vậy, học phần này giúp sinh viên từng bước có khả năng độc lập trong chăm sóc các bệnh lý ngoại khoa cũng như dự đoán được các nguy cơ có thể xảy ra để đảm bảo an toàn trong chăm sóc người bệnh, giúp người học có khả năng tư vấn giáo dục để nâng cao sức khỏe và thay đổi các thói quen sinh hoạt chưa đúng để phòng tránh biến chứng và bệnh tái phát. Phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên thông qua các hướng dẫn tự học. Áp dụng phương pháp sử dụng các case lâm sàng giả định trong các bài học để phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình thông qua thảo luận cũng như hướng sinh viên tới các tình huống có thể gặp trên lâm sàng sớm nhất có thể.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

42. Điều dưỡng Chấn thương (3,0 TC - 1,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần: 6130TRAUNR0B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Điều dưỡng

Thực hành chăm sóc người bệnh trước và sau khi phẫu thuật. Áp dụng các kiến thức điều dưỡng và lý thuyết bệnh học liên quan để chăm sóc người bệnh, đồng thời thúc đẩy vai trò chăm sóc người bệnh của gia đình người bệnh.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

43. Điều dưỡng Nhi 1 (4,0 TC - 2,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần: 6130PEDTNR1B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Điều dưỡng

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về tác động của môi trường đến trẻ khỏe mạnh cũng như trẻ nằm viện, sự khác biệt cấu trúc giải phẫu và chức năng sinh lý của một số hệ cơ quan giữa trẻ em và người lớn, quá trình phát triển thể chất tinh thần của trẻ từ sơ sinh đến trưởng thành, phương pháp cung cấp dinh dưỡng trẻ; kiến thức về diễn biến và cách chăm sóc toàn diện cho trẻ, gia đình khi trẻ mắc: hội chứng vàng da, nhiễm khuẩn sơ sinh, đau, suy dinh dưỡng, còi xương và bệnh lý hô hấp, tuần hoàn, tiêu hoá, thận - tiết niệu, thần kinh. Để giúp sinh viên có tư duy thấu đáo học phần còn cung cấp cho sinh viên kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ để tìm kiếm các bằng chứng khoa học, kỹ năng làm việc nhóm trong thảo luận để đưa ra kế hoạch chăm sóc toàn diện dựa trên các những tình huống. Ngoài ra học phần này cung cấp các kỹ năng thực hành: đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần vận động, đau, thực hiện thăm khám một số cơ quan, thực hiện được kỹ năng cấp cứu, chăm sóc trẻ, tư vấn giáo dục cho gia đình theo đúng quy trình..

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

44. Điều dưỡng Nhi 2 (3,0 TC - 1,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần: 6130PEDTNR2B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Điều dưỡng

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự khác biệt cấu trúc giải phẫu và chức năng sinh lý của một số hệ cơ quan giữa trẻ em và người lớn; kiến thức về nguyên nhân, yếu tố nguy cơ gây bệnh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của một số mặt bệnh thường gặp, diễn biến và cách chăm sóc toàn diện cho trẻ, gia đình khi trẻ mắc: nhiễm khuẩn sơ sinh, suy dinh dưỡng và bệnh lý hô hấp, tuần hoàn, tiêu hoá, thận - tiết niệu, thần kinh. Để giúp sinh viên có tư duy thấu đáo, học phần còn cung cấp cho sinh viên kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ để tìm kiếm các bằng chứng khoa học, kỹ năng làm việc nhóm trong thảo luận để đưa ra kế hoạch chăm sóc toàn diện dựa trên các những tình huống lâm sàng cụ thể một cách chủ động. Ngoài ra học phần này cung cấp các kỹ năng thực hành: đánh giá sự phát triển thể chất, tinh thần vận động, thực hiện thăm khám một số cơ quan, thực hiện được kỹ năng cấp cứu, chăm sóc trẻ, tư vấn giáo dục sức khỏe cho gia đình theo đúng quy trình. Bên cạnh đó, học phần luôn hỗ trợ, rèn luyện cho sinh viên phát huy mức tự chủ và chịu trách nhiệm, luôn trung thực, có tinh thần học tập vươn lên, chủ động học tập độc lập, làm việc nhóm để phân tích, giải quyết vấn đề; phối hợp được với người bệnh, người nhà người bệnh, cán bộ giảng viên, cán bộ tại viện để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

45. Điều dưỡng Sản 1 (4,0 TC - 2,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần: 6130OBTNUR1B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Điều dưỡng

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe phụ nữ, sức khỏe người mẹ khi có thai, trong và sau khi đẻ. Hiểu được các khái niệm và lý thuyết về giải phẫu, sinh lý và bệnh lý Sản-Phụ khoa. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về Sản-Phụ khoa (Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh), kế hoạch hóa gia đình. Sau khi học xong học phần này giúp sinh viên từng bước có khả năng độc lập trong chăm sóc phụ nữ trong quá trình mang thai và sau sinh, các bệnh lý sản phụ khoa cũng như phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ để có hướng chăm sóc và điều trị đảm bảo an toàn cho người bệnh, giúp người học có khả năng tư vấn và giáo dục sức khỏe cho thai phụ, sản phụ và người bệnh. Phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên thông qua các hướng dẫn tự học. Áp dụng phương pháp sử dụng các case lâm sàng giả định trong các bài học để phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình thông qua thảo luận cũng như hướng sinh viên tới các tình huống có thể gặp trên lâm sàng sớm nhất có thể.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

46. Điều dưỡng Sản 2 (3,0 TC - 1,0 TCLT - 2,0 TCTH)

Mã học phần: 6130OBTNUR2B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Điều dưỡng

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe phụ nữ, sức khỏe người mẹ khi có thai, trong và sau khi đẻ và thời kỳ mãn kinh. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về Sản-Phụ khoa (Nhận định, chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh), kế hoạch hóa gia đình. Sau khi học xong học phần này giúp sinh viên từng bước có khả năng độc lập trong chăm sóc phụ nữ trong quá trình mang thai và sau sinh, các bệnh lý sản phụ khoa cũng như phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ để có hướng chăm sóc và điều trị đảm bảo an toàn cho người bệnh, giúp người học có khả năng tư vấn và giáo dục sức khỏe cho thai phụ, sản phụ và người bệnh. Phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên thông qua các hướng dẫn tự học. Áp dụng phương pháp sử dụng các case lâm sàng giả định trong các bài học để phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình thông qua thảo luận cũng như hướng sinh viên tới các tình huống có thể gặp trên lâm sàng sớm nhất có thể.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

47. Điều dưỡng Tâm thần (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6130PSYNUR0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Tâm thần

Học phần lý thuyết mô tả rất cụ thể các triệu chứng và các hội chứng tâm thần giúp cho sinh viên nhận biết chính xác các biểu hiện lâm sàng của bệnh nhân. Một số bài bệnh học thường gặp trong tâm thần được mô tả kỹ lưỡng về triệu chứng cũng như tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh và kế hoạch chăm sóc rất cụ thể.

Phần điều trị chủ yếu mô tả về các liệu pháp tâm lý thường hay sử dụng trong bệnh học tâm thần. Nêu các nguyên tắc cho bệnh nhân tâm thần dùng thuốc trong điều trị cũng như duy trì tại cộng đồng.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 + ĐTH x 0,2 + ĐKTHP x 0,6

48. Điều dưỡng Thần kinh (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6130NEUNUR0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Thần kinh

Sinh viên có khả năng áp dụng các kiến thức về sinh bệnh học, cách tiếp cận bệnh nhân theo vấn đề vào việc khai thác bệnh sử, tiền sử, đưa ra các chẩn đoán tiềm năng, chỉ định và phiên giải các kết quả cận lâm sàng, từ đó thu hẹp chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân. Các chủ đề lý thuyết chính của vòng luân khoa này bao gồm: Tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân đột quỵ, tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân HIC, tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân liệt nửa người, tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân liệt dây VII, tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân đau dây hông to, tiếp cận, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân GB.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 + ĐTH x 0,2 + ĐKTHP x 0,6

49. Điều dưỡng Phục hồi chức năng (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6130RHBNU0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Thần kinh

Học phần Phục hồi chức năng là một trong các học phần y học lâm sàng thuộc khối chuyên khoa trong chương trình đào tạo Cử nhân điều dưỡng. Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về phòng ngừa tàn tật, trang bị các kiến thức giúp sinh viên chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc điều dưỡng - phục hồi chức năng cho một số bệnh lý thuộc các chuyên khoa như chấn thương, nội khoa, thần kinh, nhi khoa....

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,1 + ĐTH x 0,2 + ĐKTHP x 0,6

50. Điều dưỡng Truyền nhiễm (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6130INFDNR0B

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Truyền nhiễm

Học phần Điều dưỡng Truyền nhiễm là một trong những môn chuyên ngành cơ bản trong chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng. Học phần lý thuyết sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, biện pháp phòng và chăm sóc bệnh nhân Truyền nhiễm. Học phần lâm sàng: sinh viên sẽ vận dụng kiến thức học được từ học phần lý thuyết khi đi lâm sàng tại khoa Truyền nhiễm, từ đó biết cách khai thác bệnh sử, tiền sử, yếu tố dịch tễ, tham khảo cận lâm sàng cơ bản và nhận định triệu chứng thực thể nhằm đưa ra kế hoạch chăm sóc cụ thể cho người bệnh và đặc biệt là kế hoạch chăm sóc qua từng ngày nằm viện điều trị.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

51. Điều dưỡng cấp cứu và hồi sức tích cực (2,0 TC - 1,0 TCLT - 1,0 TCTH)

Mã học phần: 6130RESUCN0T

Đơn vị giảng dạy: Bộ môn Hồi sức cấp cứu

Học phần chăm sóc người bệnh cấp cứu và hồi sức tích cực gồm 2 phần:

- *Phần lý thuyết:* Phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về chăm sóc người bệnh cấp cứu và hồi sức tích cực. Sau khi học xong sinh viên nắm được các khái niệm, định nghĩa, nguyên nhân, xử trí và chăm sóc đối với người bệnh có tình trạng cần phải cấp cứu như: suy hô hấp cấp, sốc, ngộ độc cấp, hôn mê, ngừng tuần hoàn. Từ đó có thể áp dụng vào thực tiễn xử trí và chăm sóc tích cực người bệnh khi đi thực hành lâm sàng

- *Phần thực hành:* Khi kết thúc học phần sinh viên có kỹ năng trong ứng dụng quy trình điều dưỡng để nhận định, phân tích, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực.

Công thức tính điểm: ĐCC x 0,1 + ĐGHP x 0,2 + ĐKTHP x 0,7

XIII. SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo:

1.1. Chương trình:

Được xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13/01/2012 kết hợp với chương trình đào tạo

hiện đang thực hiện của Nhà trường. Chương trình đào tạo gồm 140 tín chỉ. Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ y tế chỉ đạo thực hiện.

1.2. Kế hoạch sắp xếp nội dung và thời gian

Thời gian học tập trong 4 năm chia 8 học kỳ. Nhà trường chủ động bố trí và điều chỉnh các học phần của các học kỳ nhưng phải đảm bảo tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các môn Khoa học cơ bản, Y học cơ sở, Tiền lâm sàng rồi mới học các môn Lâm sàng.

2. Thực tập, thực hành lâm sàng, thực tế cộng đồng

2.1. Thực tập

Tổ chức thực tập tại các phòng thí nghiệm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tuỳ theo yêu cầu của nghề nghiệp trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo, điểm kết thúc mỗi học phần là tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập theo quy định.

2.2. Thực hành lâm sàng

Sinh viên đi thực hành lâm sàng bệnh viện từ năm học thứ 3. Địa bàn thực tập là các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh.

2.3. Thực tế cộng đồng

Địa bàn thực tế cộng đồng tại các Trạm y tế xã.

3. Thực tập tốt nghiệp

3.1. Thực tập tốt nghiệp

Sinh viên thực tập tốt nghiệp tại bệnh viện tuyến tỉnh trở lên.

3.2. Tốt nghiệp

Học phần thay thế/Khóa luận tốt nghiệp: thực hiện theo quy định của của Bộ Giáo dục Đào tạo và Nhà trường.

XIV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật
1	-Điều chỉnh thời lượng học tập một số học phần - Bổ sung học phần ngoại ngữ chuyên ngành	6/2017
2	- Cập nhật chuẩn đầu ra - Điều chỉnh nội dung các học phần LLCT	6/2019